

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
A. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022.....	3
B. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.....	4
C. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN	4
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	5
1.1 Đặc điểm tự nhiên	5
1.2. Các nguồn tài nguyên.....	8
1.3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	11
1.4. Về đất đai.....	12
II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021	12
2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	12
2.1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2021	12
2.1.2. Kết quả thực hiện các dự án được ghi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021	19
2.1.3. Kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2021	25
2.1.4. Kết quả thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2019	25
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 ...	28
2.2.1 Đối với kế hoạch sử dụng đất năm 2021.....	28
2.2.2 Đối với các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 nhưng chưa triển khai thực hiện.....	28
2.2.3. Đề xuất xử lý các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ 2015, năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2019	29
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021	29
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022	30
3.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.....	30
3.1.1. Chỉ tiêu kinh tế	30
3.1.2. Chỉ tiêu văn hóa - xã hội	31
3.1.3. Chỉ tiêu Môi trường.....	31
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	31

3.2.1. Số lượng dự án thực hiện trong năm 2022	31
3.2.1.1. Các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	33
3.2.1.2. Công trình, dự án còn lại	33
3.2.2. Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2022	33
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	37
3.3.1. Đất nông nghiệp	39
3.3.2. Đất phi nông nghiệp	41
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	43
3.4.1. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất	43
3.4.2. Dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và các trường hợp hộ gia đình, cá nhân xin chuyển đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2022	44
3.5. Diện tích cần thu hồi đất trong năm 2022	46
3.6. Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2022	47
3.6.1. Các công trình dự án sử dụng vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi trong năm kế hoạch	48
3.6.2. Các công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách Nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch	49
IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	49
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	49
4.1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất	49
4.1.2. Giải pháp về bảo vệ môi trường	49
4.2. Giải pháp về nguồn lực	51
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất ..	51
4.3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện	51
4.3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất	52
4.4. Giải pháp khác	52
4.4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ	53
4.4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ	53
4.4.3. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án	53
V. KẾT LUẬN	54

ĐẶT VẤN ĐỀ

A. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

Tại khoản 2 Điều 37 và khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm” và căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là “Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Thực hiện quy định trên, UBND huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 31/12/2020. Qua một năm triển khai thực hiện, có thể khẳng định Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn cũng như phục vụ kịp thời mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện nói riêng và của tỉnh Đồng Nai nói chung. Bên cạnh đó, kế hoạch sử dụng đất cũng bộc lộ một số tồn tại, bất cập nhất định như: chưa rà soát kỹ khả năng đáp ứng của các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực về vốn; chưa lường hết những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện;... dẫn đến việc dự báo nhu cầu sử dụng đất trong năm 2021 chưa thật sát với khả năng thực hiện.

Thực hiện quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày ngày 18/12/2020; Thông tư số 01/2020/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, UBND huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Vĩnh Cửu với các nội dung chính sau đây:

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và xác định các nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;
- Đánh giá kết quả thực hiện các dự án phải thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019; trong đó làm rõ các dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện và chưa hoàn thành các thủ tục đất đai và đề xuất xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013.
- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013; diện tích các

loại đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật đất đai năm 2013.

B. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và xác định các nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Đánh giá kết quả thực hiện các dự án phải thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 trong đó làm rõ các dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện và chưa hoàn thành các thủ tục đất đai và đề xuất xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013; diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật đất đai năm 2013.

2. Yêu cầu

- Việc Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp Luật đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định 43/2014/NĐ-CP); Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (sau đây gọi tắt là Nghị định số 37/2019/NĐ-CP); Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (sau đây gọi tắt là Thông tư 01/2021/TT-BTNMT);

C. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 21/02/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Cửu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Vĩnh Cửu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 4326/QĐ-UBND ngày 01/12/2017;
- Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai;
- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Vĩnh Cửu được UBND tỉnh phê duyệt và kết quả thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất qua các năm.
- Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về triển khai các dự án trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu;
- Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 và kết quả thống kê năm 2020 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu;
- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2021; các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 (báo cáo số 1486/BC-UBND ngày 03/12/202 của UBND huyện Vĩnh Cửu);

Và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1 Đặc điểm tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Huyện Vĩnh Cửu nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Đồng Nai. Có tọa độ địa lý nằm trong khoảng từ 10⁰55'59" đến 11⁰31'45" vĩ độ Bắc, từ 106⁰53'51" đến 107⁰13'43" kinh độ Đông; có tổng diện tích tự nhiên là 108.914,44 ha, gồm 12 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó thị trấn Vĩnh An là trung tâm hành chính của huyện. Ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Đồng Phú và huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước;

- Phía Đông giáp huyện Tân Phú và huyện Định Quán;
- Phía Nam và Đông Nam giáp thành phố Biên Hòa và huyện Trảng Bom;
- Phía Tây giáp huyện Tân Uyên tỉnh Bình Dương.

Huyện Vĩnh Cửu là cửa ngõ phía Bắc của thành phố Biên Hòa, có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai, đặc biệt là lĩnh vực quốc phòng, bảo vệ tài nguyên nước, rừng và môi trường sinh thái. Huyện có nhiều tuyến giao thông thủy - bộ quan trọng như: Tỉnh lộ 761, Tỉnh lộ 762, Tỉnh lộ 767, Tỉnh lộ 768 kết nối với Quốc lộ 1A và Quốc lộ 20, cầu Thủ Biên kết nối đường Vành đai 4 - là tuyến đường huyết mạch để giao lưu vận chuyển hàng hóa với tỉnh Bình Dương,...; hệ thống sông Đồng Nai, hồ Trị An,... có nguồn nước phong phú, trữ lượng lớn phục vụ cho tưới tiêu nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; có nhiều cảnh quan nổi tiếng như: Hồ Trị An, khu di tích lịch sử chiến khu Đ, các khu vườn cây ăn trái ven sông Đồng Nai,... thuận lợi cho phát triển dịch vụ du lịch sinh thái - tham quan nghiên cứu.

b. Địa hình

Vĩnh Cửu nằm trong khu vực chuyển tiếp từ vùng đồng bằng của hạ lưu sông Đồng Nai lên vùng cao, huyện có 2 dạng địa hình chính gồm địa hình đồi và địa hình đồng bằng.

- Địa hình đồi: chiếm gần 80% diện tích tự nhiên, phân bố tại các xã phía Bắc huyện (Phú Lý, Mã Đà, Hiếu Liêm) và xen kẽ tại một số xã phía Nam của huyện. Cao trình cao nhất khoảng 340 mét, trung tâm huyện có cao trình khoảng 100 - 120 mét và thấp dần xuống phía Nam 10 - 20 mét. Khu vực có nền địa chất tương đối vững chắc, chủ yếu hình thành trên nền đá phiến sét, đá bazan, phù sa cổ, thuận lợi cho sản xuất nông - lâm nghiệp và xây dựng và phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật, bố trí dân cư, đô thị.

- Địa hình đồng bằng: tương đối bằng phẳng, chiếm khoảng 7% diện tích tự nhiên, phân bố ở các xã phía Tây Nam của huyện (Bình Lợi, Thanh Phú, Tân Bình, Thiện Tân, Bình Hòa). Với cao trình phổ biến: nơi cao 10 - 20 mét, nơi thấp từ 1 - 2 mét, nền mẫu chất chính là trầm tích trẻ Holocene không vững chắc, thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là sản xuất lúa nước, hoa màu và cây ăn quả,... do đó nền địa chất của khu vực này kém thuận lợi cho việc xây dựng các công trình.

c. Khí hậu

Khí hậu huyện Vĩnh Cửu thuộc dạng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có 2 mùa rõ rệt, với nền nhiệt cao đều quanh năm, là điều kiện đảm bảo nhiệt lượng cho cây trồng phát triển.

Các yếu tố khí tượng đều thay đổi rõ rệt theo 2 mùa như sau:

- Nhiệt độ không khí: nhiệt độ trung bình quanh năm cao, nhưng chênh lệch trung bình giữa các tháng ít. Nhiệt độ bình quân $25 - 27^{\circ}\text{C}$, chênh lệch nhiệt độ giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất là $4,2^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ trung bình tối cao các tháng là $29 - 35^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ tối thấp trung bình các tháng từ $18 - 25^{\circ}\text{C}$. Tổng tích ôn tương đối cao ($9.000^{\circ}\text{C} - 9.700^{\circ}\text{C}$) và phân bố tương đối đều theo mùa vụ thích hợp sản xuất nông nghiệp quanh năm.

- Lượng mưa tương đối lớn ($2.000 - 2.800 \text{ mm}$), phân bố theo vùng và theo mùa, chi phối mạnh mẽ nền sản xuất nông - lâm nghiệp. Sự phân bố mưa theo không gian đã hình thành 03 vành đai chính: vành đai phía Bắc giáp Bình Phước có lượng mưa rất cao trên 2.800 mm và có số ngày mưa $150 - 160$ ngày; vành đai trung tâm huyện có lượng mưa $2.400 - 2.800 \text{ mm}$ số ngày mưa trong năm là $130 - 150$ ngày; vành đai phía Nam có lượng mưa thấp nhất $2.000 - 2.400 \text{ mm}$.

Lượng mưa lớn và phân hóa theo mùa và đã tạo ra 2 mùa trái ngược nhau là mùa mưa và mùa khô:

+ Mùa khô: kéo dài trong 06 tháng từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa rất thấp chỉ chiếm khoảng $10 - 15\%$ lượng mưa cả năm, trong khi đó lượng bốc hơi rất cao, chiếm khoảng $64 - 67\%$ tổng lượng bốc hơi cả năm.

+ Mùa mưa: kéo dài trong 06 tháng từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa 06 tháng mùa mưa chiếm 90% tổng lượng mưa cả năm, chỉ riêng 04 tháng mưa lớn nhất, lượng mưa đã chiếm $62 - 63\%$ lượng mưa cả năm. Ngược lại, lượng bốc hơi và nền nhiệt thấp hơn mùa khô.

d. Thủy văn

Thủy văn bị chi phối bởi hệ thống sông, hồ, suối và số ngày mưa trên địa bàn.

Hệ thống sông, suối: Sông Đồng Nai là nguồn cung cấp nước cho thủy điện Trị An và hồ Trị An nên trữ lượng nước và chất lượng môi trường nước hồ Trị An phụ thuộc rất lớn về dòng chảy của sông Đồng Nai.

Sông Bé là nhánh sông đổ nước vào sông Đồng Nai tại hạ lưu trên ranh giới phía Tây giữa Đồng Nai và Bình Dương, sông vừa có độ sâu và rộng, dòng chảy tương đối nhanh, đặc biệt là ngã ba Hiếu Liêm. Ngoài ra, trên địa bàn còn có rất nhiều sông, suối nhỏ như suối Ràng, suối Linh, suối Cây Sung, suối Sai, suối Bà Hào... hầu hết các suối nhỏ chỉ có nước trong mùa mưa và đều cạn nước vào mùa khô. Các dòng sông này cung cấp phù sa cho các địa bàn ven sông trong đó có vùng đất ven sông thuộc xã Hiếu Liêm.

Hệ thống hồ trên địa bàn: Gồm hồ Trị An, hồ Vườn ươm, hồ Bà Hào, hồ Sen,... trong đó hồ Trị An có diện tích mặt nước lớn nhất khoảng 32.380 ha là hồ có nhiều tiềm năng để phát triển các sản phẩm du lịch và điểm nhấn hấp dẫn khách du lịch; trên hồ có rất nhiều đảo lớn nhỏ, đa dạng về loại hình, đảo lớn

nhất là đảo Ó - Đồng Trường với diện tích hơn 20 ha, ngoài ra các đảo khác có diện tích từ 2 -10 ha như đảo Xanh, đảo Đá, đảo Năm Bàu, đảo Tây Ninh 2,... có thể khai thác để tạo ra sản phẩm phát triển du lịch.

Hồ Bà Hào có diện tích trên 400 ha, hồ Vườn ươm trên 20 ha và nhiều ao lớn nhỏ trong các trảng, các ấp... Hệ thống sông hồ góp phần quan trọng về nguồn dự trữ nguồn nước mặt, điều tiết khí hậu, bảo tồn, phát triển hệ sinh thái và cảnh quan góp phần quan trọng cho xây dựng sản phẩm và loại hình du lịch, đặc biệt là các loại hình du lịch sinh thái và vui chơi giải trí.

1.2. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra xây dựng bản đồ đất tỷ lệ 1/100.000 của tỉnh Đồng Nai do Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp Miền Nam xây dựng năm 2004, trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu có 5 nhóm đất chính như sau:

*** Nhóm đất phù sa**

Diện tích 8.098,02 ha, chiếm 7,42% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành trên trầm tích trẻ (Holocen) của hệ thống sông Đồng Nai, phân bố trên dạng địa hình đồng bằng, tập trung ở các xã Tân Bình, Bình Lợi, Bình Hòa, Thiện Tân và rải rác ở các xã Tân An, Trị An, Thạnh Phú. Đất phù sa rất thuận lợi cho trồng lúa màu và cây ăn quả. Nơi địa hình thấp có điều kiện tưới thích hợp cho sản xuất lúa 2-3 vụ, nơi không có khả năng tưới, địa hình cao thoát nước thích hợp dành cho trồng rau, hoa màu và cây ăn trái. Đặc biệt bưởi Tân Triều, một loại trái cây đặc sản có giá trị kinh tế cao của vùng được trồng trên đất phù sa.

*** Nhóm đất đen**

Diện tích 3.229,09 ha, chiếm 2,96% diện tích tự nhiên. Phân bố tập trung ở xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An. Đất đen hình thành trên sản phẩm phong hóa của đá bọt bazan, tầng đất hữu hiệu thường rất mỏng, lẫn nhiều kết von hoặc mảnh đá, trên bề mặt đất có nhiều tảng đá lộ đầu lớn, gây trở ngại lớn cho sản xuất nông nghiệp và giao thông.

Đất đen thích hợp cho việc trồng các cây hoa màu (bắp, đậu đỗ, rau,...), cây công nghiệp ngắn ngày (thuốc lá, bông vải, đậu nành) và các loại cây ăn trái. Những nơi địa hình thấp có khả năng tưới thích hợp cho việc trồng lúa hoặc lúa kết hợp trồng hoa màu.

*** Nhóm đất xám**

Diện tích 1.647,69 ha, chiếm 1,51% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành chủ yếu trên phù sa cổ, một số hình thành trên đá phiến sét, phân bố trên

các dạng địa hình đồi thuộc thị trấn Vĩnh An, Trị An, Bình Lợi, Thạnh Phú, Tân An và Vĩnh Tân.

Về tiềm năng của đất xám: nơi địa hình cao thoát nước, có tầng đất hữu hiệu trên mức 70 - 100 cm, thích hợp cho việc trồng các cây dài ngày như cao su, điều, cây ăn trái, đồng thời có thể trồng các cây hàng năm như khoai mì, bắp và các loại đậu; nơi địa hình thấp, có khả năng tưới, thích hợp cho việc trồng lúa, hoa màu; nơi có tầng đất hữu hiệu mỏng dưới mức 30 - 50 cm, chỉ thích hợp cho việc trồng và bảo vệ rừng.

Nhìn chung nhóm đất xám trên địa bàn có tầng đất hữu hiệu rất mỏng và tập trung nhiều trong ranh giới Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, vì vậy nhóm đất này đang được sử dụng chính cho sản xuất lâm nghiệp.

*** Nhóm đất đỏ vàng**

Diện tích 80.367,66 ha, chiếm 73,67% diện tích tự nhiên. Đất hình thành chủ yếu trên đá bazan, phù sa cổ và đá phiến sét; phân bố ở xã Phú Lý, thị trấn Vĩnh An, Trị An, Vĩnh Tân, Tân An, Thiện Tân, Thạnh Phú, Tân Bình, Bình Lợi và Bình Hòa.

Đất đỏ trên đá Bazan là loại đất có chất lượng trong các loại đất đồi núi nước ta. Tầng đất hiện hữu thường rất dày >100 cm có thành phần cơ giới nặng, tương đối giàu chất hữu cơ, đạm tổng số và lân tổng số nhưng lại nghèo về các cation kiềm trao đổi, chất chua, kali và lân dễ tiêu.

Đất đỏ thích hợp cho việc trồng các cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê, tiêu. Tuy vậy ở Vĩnh Cửu, đất đỏ hầu hết nằm trong ranh giới Khu Bảo tồn, vì vậy đang được sử dụng chính cho lâm nghiệp.

*** Nhóm đất trơ sỏi đá**

Hình thành chủ yếu trên mẫu chất phù sa cổ, diện tích nhỏ (225,27 ha); phân bố ở xã Thiện Tân, Tân An, Vĩnh Tân, Phú Lý và thị trấn Vĩnh An; chất lượng đất rất kém: tầng đất mỏng, độ phì thấp. Đất này phù hợp cho việc trồng và bảo vệ rừng.

b. Tài nguyên nước

- **Nước mặt:** nguồn nước mặt chính gồm có sông Đồng Nai, sông Bé, hồ Trị An, hồ Bà Hào, hồ Mo Nang... và hệ thống kênh, rạch suối, Trong đó:

- Sông Đồng Nai: đoạn qua huyện chảy theo hướng Bắc - Nam (bao bọc ranh giới của huyện), mặt nước rộng trung bình 295 m, lượng nước sông khá dồi dào, do sông sâu và dốc nên khả năng bồi đắp phù sa kém, chỉ xuất hiện dải đất phù sa ven theo triền sông. Hiện dọc theo sông Đồng Nai đã đặt hệ thống các trạm bơm để cung nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt.

- Sông Bé: bắt nguồn từ dãy núi cao Phước Long, thượng nguồn có nhánh suối Mã Đà, hạ lưu sông đổ vào sông Đồng Nai. Đoạn chạy qua huyện (thuộc xã Hiếu Liêm) nằm trên ranh giới phía Tây giữa Đồng Nai và Bình Dương, sông rộng trung bình 150 m, lượng nước trên sông khá dồi dào, do sông sâu và dốc nên khả năng bồi đắp phù sa kém.

- Hồ Trị An: có diện tích khoảng 326 km² (trong địa phận huyện Vĩnh Cửu gần 140 km²), ngoài ra trên địa bàn huyện còn có hồ Bà Hào, hồ Mo Nang và 03 đập (Ông Hoàng, Thạnh Phú, Bến Xúc).

- **Nước ngầm:** qua kết quả khảo sát về nước dưới đất ở Đồng Nai của liên đoàn Địa chất thủy văn 7 và 8 (đoàn 801) thì tiềm năng nước dưới đất của huyện Vĩnh Cửu khá phong phú nhưng không đều; có thể khai thác ở độ sâu 10 - 15 m đến 35 - 50 m, bề dày tầng chứa nước thay đổi từ 10 - 15m đến 50 – 60 m, trữ lượng tính đạt 788.800 m³, tổng trữ lượng 1.090.000 m³/ngày, chất lượng nước tốt với tổng khoáng hóa từ 0,07 - 0,6g/l, thuộc loại nước nhạt có chứa bicarbonat - natri và có hàm lượng sắt cao. Nhìn chung lượng nước ngầm trên địa bàn huyện khá lớn, có khả năng cung cấp đủ nước cho sinh hoạt và cho sản xuất nông nghiệp.

c. Tài nguyên rừng

Vĩnh Cửu là một trong những huyện có tài nguyên rừng phong phú nhất thuộc tỉnh Đồng Nai nói riêng và toàn vùng Đông Nam Bộ nói chung; với diện tích 74.546,8 ha, chiếm 68,0% diện tích tự nhiên toàn huyện và có trữ lượng khoảng 5,6 triệu m³ gỗ. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ thủy điện Trị An, bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn đất, bảo tồn các loài động vật quý hiếm, bảo vệ môi trường sinh thái và là lá phổi xanh cho môi trường sống. Trong kháng chiến chống đế quốc xâm lược, rừng thuộc Mã Đà, Hiếu Liêm, Phú Lý và Vĩnh An là căn cứ của Khu ủy Miền Đông và hiện nay thuộc phạm vi Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai và một phần vườn Quốc gia Cát Tiên.

d. Tài nguyên khoáng sản

Nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện tương đối phong phú. Hiện nay đã phát hiện được 120 mỏ, điểm quặng, điểm khoáng hóa với tiềm năng và triển vọng rất khác nhau được phân bố như sau: nhóm kim loại tập trung ở phía Bắc của huyện; đá xây dựng tự nhiên phân bố ở khu vực đồi Bà Mọi, xã Thiện Tân, xã Hiếu Liêm, xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An; sét gạch ngói phát hiện ở xã Tân An và xã Thiện Tân; cát xây dựng được khai thác chủ yếu trong trầm tích lòng sông Đồng Nai (cù lao Bình Chánh, xã Bình Lợi); nguyên liệu phụ gia xi măng Puzlan và Laterit: Puzlan tập trung ở thị trấn Vĩnh An, xã Vĩnh Tân, còn Laterit có trữ lượng khá lớn ở Mã Đà, Hiếu Liêm, Tân An; nguyên liệu

Keramzit phát hiện ở xã Tân An, Trị An và Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai.

e. Tài nguyên nhân văn

Hầu hết các xã trong huyện Vĩnh Cửu đều có đình làng, đặc biệt như xã Tân Bình có đến 19 đình, miếu. Đa phần đình thờ những vị phúc thần, Thành hoàng bản cảnh, hoặc những anh hùng dân tộc có công với dân tộc, đất nước. Mỗi đình hàng năm đều có Lễ Kỳ Yên riêng.

Bên cạnh đó, huyện còn có nhiều Di tích lịch sử ghi dấu những chiến công của cha ông trong những năm đấu tranh giải phóng dân tộc gồm 03 di tích lịch sử văn hóa được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch xếp hạng: Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam Bộ (Chiến khu D), Di tích Địa đạo Suối Linh, Căn cứ Trung ương Cục miền Nam và 05 di tích lịch sử được UBND tỉnh công nhận: Di tích Nhà Bia thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh Ủy Lâm thời tỉnh Biên Hòa, Đình Long Chiến, Đình Phú Trạch, Đình Cẩm Vinh.

g. Tài nguyên du lịch

Vĩnh Cửu nằm ở thượng nguồn sông Đồng Nai có cảnh quan phong phú, đa dạng sinh học với các hệ sinh thái sông Đồng Nai, hệ sinh thái rừng, du lịch sinh thái làng bưởi Tân Triều, kết hợp với điểm du lịch tham quan gồm: du lịch đường thủy trên hồ Trị An, tham quan Nhà máy thủy điện Trị An, tham quan di tích Chiến khu Đ, Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, du lịch giải trí vùng Bà Hào,... Với lợi thế như vậy Vĩnh Cửu có nhiều điều kiện để thúc đẩy phát triển du lịch, đưa ngành du lịch thành một lĩnh vực có đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương.

1.3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Về kinh tế:

Theo số liệu thống kê của huyện Vĩnh Cửu năm 2020 thì công nghiệp là ngành kinh tế chủ lực của huyện, sản xuất công nghiệp luôn giữ tốc độ tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2020 là 20.369 tỷ đồng (giá 2010), giảm 10,99 % so với cùng kỳ; thương mại - dịch vụ phát triển khá tốt, tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ ước đạt 2.013 tỷ đồng, giảm 8,17% so với cùng kỳ; bên cạnh đó ngành nông nghiệp áp dụng tái cơ cấu với mục đích hướng tới khai thác hiệu quả quỹ đất sản xuất và phát triển bền vững, phát triển nông nghiệp hữu cơ, mang lại giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản ước thực hiện trong năm 2020 là 1.814 tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ.

Về dân số:

Theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020, huyện Vĩnh Cửu dân số trung bình là 168.420 người với 45.500 hộ, trong đó số dân thành thị là

26.440 người, chiếm 15,70% và dân số nông thôn là 141.980 người, chiếm 84,30% tổng số dân. Tỷ lệ phát triển dân số năm 2020 đạt 2,11%, trong đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,05%, giảm 0,13% so với năm 2015.

1.4. Về đất đai

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020, tổng diện tích tự nhiên của huyện là 108.914 ha, trong đó đất nông nghiệp 89.049 ha, đất phi nông nghiệp 19.865 ha.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn được tỉnh nói chung và huyện nói riêng quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện, trong đó:

- Đối với công tác quy hoạch sử dụng đất: Hiện nay, UBND huyện đang thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

- Đối với công tác lập kế hoạch sử dụng đất: Thực hiện Luật đất đai năm 2013, từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Vĩnh Cửu được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, đây là cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất trong năm 2021.

Bảng 01: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2021	Kết quả đã đang thực hiện		
			Diện tích	So sánh với kế hoạch	
				Tăng(+) giảm(-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	88.162,85	88.361,91	199,06	100,23
1.1	Đất trồng lúa	1.219,61	1.336,33	116,72	109,57
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.259,43	1.265,98	6,55	100,52
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2.078,74	2.106,06	27,32	101,31
1.3	Đất trồng cây lâu năm	11.471,92	11.494,39	22,47	100,20
1.4	Đất rừng phòng hộ	11,57	11,57	-	100
1.5	Đất rừng đặc dụng	64.102,75	64.102,75	0,00	100

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích kế hoạch được duyet năm 2021	Kết quả đã đang thực hiện		
			Diện tích	So sánh với kế hoạch	
				Tăng(+) giảm(-)	Tỷ lệ (%)
1.6	Đất rừng sản xuất	7.728,94	7.793,40	64,46	100,83
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	-		-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.194,43	1.191,86	-2,57	99,78
1.8	Đất nông nghiệp khác	354,89	325,55	-29,34	91,73
2	Đất phi nông nghiệp	20.751,59	20.552,53	-199,06	99,04
2.1	Đất quốc phòng	244,47	217,47	-27,00	88,96
2.2	Đất an ninh	10,73	10,73	-	100
2.3	Đất khu công nghiệp	160,77	160,77	-	100
2.4	Đất cụm công nghiệp	314,50	314,50	-	100
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	84,06	59,79	-24,27	71,13
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	327,59	310,18	-17,41	94,69
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	667,69	592,49	-75,20	88,74
2.8	Đất phát triển hạ tầng	1.966,90	1.934,15	-32,75	98,33
	- Đất giao thông	1.148,18	1.126,46	-21,72	98,11
	- Đất thủy lợi	72,09	70,32	-1,77	97,54
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	11,01	11,25	0,24	102,18
	- Đất cơ sở y tế	8,58	8,58	-	100
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	93,30	91,10	-2,20	97,64
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	17,42	14,56	-2,86	83,58
	- Đất công trình năng lượng	260,20	259,94	-0,26	99,90
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,61	2,61	-	100
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	15,41	15,41	-	100
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	83,09	83,09	-	100
	- Đất cơ sở tôn giáo	34,51	30,28	-4,23	87,74
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	216,45	216,51	0,06	100,03
	- Đất chợ	4,05	4,04	-0,01	99,75
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	8,89	8,89	0,00	100,00
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	13,71	8,84	-4,87	64,48
2.11	Đất ở tại nông thôn	1.085,34	1.072,27	-13,07	98,80
2.12	Đất ở tại đô thị	177,49	177,31	-0,18	99,90

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích kế hoạch được duyet năm 2021	Kết quả đã đang thực hiện		
			Diện tích	So sánh với kế hoạch	
				Tăng(+) giảm(-)	Tỷ lệ (%)
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	16,83	17,20	0,37	102,20
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	12,80	12,63	-0,17	98,67
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,34	13,34	-	100
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.760,47	1.753,98	-6,49	99,63
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	13.886,01	13.887,99	1,98	100,01

a. Đất nông nghiệp: kế hoạch được duyệt năm 2021 là 88.162,85 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2021 là 88.361,91 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 199,06 ha, đạt tỷ lệ 100,23%. Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 1.219,61 ha, tính dự ước đến cuối năm thực hiện là 1.336,33 ha; cao hơn 116,72 ha, đạt tỷ lệ 109,57% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn do một số công trình có sử dụng vào đất lúa nhưng vẫn chưa được thực hiện hoặc đang thực hiện như: Cụm CN Vĩnh Tân, Mỏ đá Thiện Tân 9, Hạ tầng khu trung tâm xã Thạnh Phú,...

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: kết quả thực hiện đến 31/12/2021 có diện tích 1.265,98 ha; cao hơn 6,55 ha và đạt 100,52% so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt trong năm 2021.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 2.078,74 ha, kết quả thực hiện (dự ước đến cuối năm) là 2.106,06 ha; đạt 101,31% và cao hơn 27,32 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do một số dự án xây dựng phát triển kinh tế - xã hội có sử dụng chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác nhưng chưa triển khai thực hiện trong năm và chuyển tiếp sang 2022 như: Khu công nghiệp Thạnh Phú, Khu dân cư phố chợ, Nạo vét Rạch Đông,...

- **Đất trồng cây lâu năm:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2021 là 11.471,92 ha, dự ước thực hiện đến cuối năm có diện tích 11.494,39 ha; cao hơn 22,47 ha, đạt tỷ lệ 100,2% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn chủ yếu do một số công trình sử dụng đất cây lâu năm nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện đúng theo tiến độ như: Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng, Đường vào cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân, Trường bắn BB,...

- **Đất rừng phòng hộ:** dự ước kết quả thực hiện đến 31/12/2021 đất rừng phòng hộ có diện tích 11,57 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021.

- **Đất rừng đặc dụng:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 64.102,75 ha, dự ước thực hiện đến cuối năm đạt 100% chỉ tiêu được duyệt của huyện.

- **Đất rừng sản xuất:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 7.728,94 ha, thực hiện đến nay là 7.793,40 ha; cao hơn 64,46 ha, đạt 100,83% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 1.194,43 ha, dự ước thực hiện đến 31/12/2021 có diện tích 1.191,86 ha, đạt tỷ lệ 99,78% và thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 2,57 ha.

- **Đất nông nghiệp khác:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2021 là 354,89 ha. Thực hiện đất nông nghiệp khác dự tính đến cuối năm có diện tích 325,55 ha, thấp hơn 29,34 ha, đạt 91,73% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Trong năm 2021 đã xây dựng xong Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (xã Phú Lý) tuy nhiên vẫn chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

b. Đất phi nông nghiệp: kế hoạch được duyệt năm 2021 là 20.751,59 ha, dự kiến đến ngày 31/12/2021 toàn huyện có diện tích 20.552,53 ha; đạt 99,04% và thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 199,06 ha. Trong năm qua, huyện cũng đã triển khai và đưa vào sử dụng một số công trình theo đúng tiến độ đề ra; bên cạnh đó, cũng có những dự án vì ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh phức tạp trên địa bàn huyện nên chưa thể hoàn thành hoặc chưa được thực hiện. Cụ thể:

- **Đất quốc phòng:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021 là 244,47 ha, kết quả thực hiện dự tính đến cuối năm có diện tích 217,47 ha; thấp hơn so với chỉ tiêu 27,0 ha, đạt 88,96%. Năm 2021, dự án Trung tâm giáo dục quốc phòng an ninh đã hoàn thành và được giao đất; bên cạnh đó, còn 04 công trình chưa thực hiện hoặc đang thực hiện được chuyển tiếp sang kế hoạch 2022.

- **Đất an ninh:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 10,73 ha, thực hiện đến nay có diện tích 10,73 ha; đạt tỷ lệ 100% so với chỉ tiêu. Hầu hết các công trình đã được xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

- **Đất khu công nghiệp:** dự ước đến cuối năm đất khu công nghiệp có diện tích 160,77 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021. Trong năm 2021, dự án Khu công nghiệp Sông Mây (thuộc địa bàn xã Tân An) đã được giải ngân và bàn giao mặt bằng cho khu công nghiệp; Khu công nghiệp Thạnh Phú đang thực hiện công tác bồi thường.

- **Đất cụm công nghiệp:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 314,50 ha, ước thực hiện đến cuối năm đạt 100% chỉ tiêu được duyệt với diện tích 314,50 ha. Hầu hết các dự án cụm công nghiệp đang thực hiện thu hồi hoặc đã có thông báo thu hồi đất.

- **Đất thương mại dịch vụ:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2021 là 84,06 ha, kết quả thực hiện ước đến 31/12/2021 là 59,79 ha, thấp hơn 24,27 ha và đạt tỷ lệ 71,13% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Diện tích thực hiện còn thấp do trong năm vừa qua một số công trình chưa thực hiện phải chuyển sang kế hoạch năm 2022 như: Cầu tàu du lịch Hiếu Liêm, Khu đất đấu giá (Khu du lịch Đảo Ó - Đồng Trường).

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 327,59 ha, thực hiện đến nay là 310,18 ha, đạt 94,69% và thấp hơn 17,41 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt do một số dự án đang thực hiện và tiếp tục đưa vào kế hoạch 2022: Khu chế biến, đường băng truyền từ mỏ đá Thiện Tân 9 đi ra khu chế biến, khu chế biến ra bên thủy nội địa; Khu đất đấu giá theo quy hoạch (4,82 ha Tân An).

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2021 là 667,69 ha, kết quả thực hiện đến nay là 592,49 ha; thấp hơn 75,20 ha và đạt 88,74% so với chỉ tiêu được duyệt. Một số dự án mỏ đá đang thực hiện hoặc chưa thực hiện và được chuyển tiếp sang kế hoạch năm sau.

- **Đất phát triển hạ tầng:** dự ước kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2021 đất phát triển hạ tầng có diện tích 1.934,15 ha. So với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (1.966,90 ha) thấp hơn 32,75 ha, đạt 98,33%, trong đó:

+ **Đất giao thông:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2021 là 1.148,18 ha. Với kết quả dự kiến thực hiện đến cuối năm thì đất giao thông có 1.126,46 ha, đạt 98,11%, thấp hơn 21,72 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt chủ yếu do các công trình giao thông chưa triển khai thực hiện theo đúng tiến độ như Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 9, Đường ấp 3 xã Tân An, Mở rộng đường Cây Gõ, Đường Bến Xúc (nối Vĩnh Cửu - Trảng Bom),...

+ **Đất thủy lợi:** kế hoạch được duyệt năm 2021 có diện tích 72,09 ha, kết quả thực hiện đến nay là 70,32 ha; đạt 97,54% và thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 1,77 ha. Nguyên nhân còn thấp do một số công trình không còn nhu cầu nên không thực hiện trong năm kế hoạch như Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung tại 02 xã Mã Đà, Tân An, Hệ thống thoát nước khu tái định cư 3,8 ha Tân An (quá 3 năm chưa triển khai),... và các công trình chưa thực hiện phải chuyển tiếp sang năm 2022: Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông, Hệ thống thoát nước chống ngập trên đường ĐT 768 (đoạn từ ngã 3 đường Đồng Khởi đến ngã 3 đường D4),...

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** hầu hết các dự án đất xây dựng cơ sở văn hóa chưa thực hiện thủ tục giao đất. Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021

là 11,01 ha; thực hiện đến nay có diện tích 11,25 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 0,24 ha, đạt tỷ lệ 102,18%.

+ **Đất cơ sở y tế:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 8,58 ha, thực hiện đến nay (dự ước đến 31/12/2021) đất y tế có diện tích 8,58 ha, đạt tỷ lệ 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ **Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021 là 93,30 ha, dự ước thực hiện là 91,1 ha, đạt tỷ lệ 97,64% và thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 2,20 ha. Trong năm 2021 huyện đã hoàn thành dự án Trường Tiểu học Hiếu Liêm, Trường TH - THCS Sao Mai; bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp sang kế hoạch 2022 như: Nâng cấp mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn, Trường TH Tân Phú xã Thanh Phú, Trường Tiểu học Bình Lợi,...

+ **Đất cơ sở thể dục - thể thao:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 17,42 ha, đến 31/12/2021 dự ước kết quả thực hiện có diện tích 14,56 ha; thấp hơn 2,86 ha, đạt tỷ lệ 83,58% so với chỉ tiêu. Đa số các công trình đang thực hiện hoặc chưa thực hiện trong kế hoạch vừa qua sẽ được chuyển tiếp sang năm 2022.

+ **Đất công trình năng lượng:** công tác thu hồi, thỏa thuận địa điểm còn gặp khó khăn nên các dự án đất công trình năng lượng trên địa bàn chưa thể hoàn thành trong năm nay. Do đó, diện tích ước thực hiện đến 31/12/2021 là 259,94 ha; thấp hơn 0,26 ha, đạt 99,90% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt

+ **Đất công trình bưu chính viễn thông:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021 có diện tích 2,61 ha. Kết quả thực hiện đạt 100% chỉ tiêu được duyệt.

+ **Đất có di tích lịch sử - văn hóa:** kết quả thực hiện đến nay có diện tích 15,41 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt trong năm 2021.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 83,09 ha, thực hiện đến nay đất bãi thải, xử lý chất thải có diện tích 83,09 ha, đạt tỷ lệ 100% chỉ tiêu được duyệt.

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** kế hoạch được duyệt năm 2021 có diện tích 34,51 ha, dự kiến đến ngày 31/12/2021 kết quả thực hiện là 30,28 ha, đạt tỷ lệ 87,74% và thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 4,23 ha so với chỉ tiêu kế hoạch. Đa số các dự án tôn giáo đã có hiện trạng nhưng chưa làm thủ tục giao đất.

+ **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021 là 216,45 ha. Thực hiện đến ngày 31/12/2021 có diện tích 216,51 ha, cao hơn 0,06 ha, đạt tỷ lệ 100,03% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ **Đất chợ:** chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 4,05 ha. Kết quả dự ước thực hiện đất chợ có diện tích 4,04 ha, đạt 99,75% và thấp hơn 0,01 ha so với kế hoạch được duyệt do công trình Chợ Phú Lý chưa thực hiện.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** trong năm 2021, các dự án nhà văn hóa đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai. Dự ước thực hiện đến 31/12/2021 có diện tích 8,89 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021 là 13,71 ha. Đến ngày 31/12/2021 ước thực hiện là 8,84 ha, thấp hơn 4,87 ha, đây là phần diện tích công trình Hạ tầng Khu trung tâm xã Thanh Phú chưa thực hiện trong năm 2021, đạt 64,48% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất ở tại nông thôn:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 1.085,34 ha. Kết quả thực hiện dự ước đến cuối năm có diện tích 1.072,27 ha; đạt 98,8% và thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 13,07 ha. Diện tích thấp hơn do một số khu dân cư đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện hoặc mới được cấp chủ trương đầu tư như Khu dân cư (Công ty CP Tín Khải), Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6 xã Hiếu Liêm, Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý),...

- **Đất ở tại đô thị:** kế hoạch được duyệt năm 2021 có diện tích 177,49 ha, thực hiện đến cuối năm có diện tích 177,31 ha; thấp hơn 0,18 ha do chưa thực hiện đấu giá các khu đất tại thị trấn Vĩnh An, đạt tỷ lệ 99,90% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2021 là 16,83 ha, kết quả thực hiện dự ước đến 31/12/2021 là 17,20 ha; cao hơn 0,37 ha, đạt tỷ lệ 102,20% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021 là 12,80 ha. Dự ước thực hiện đến cuối năm đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có diện tích 12,63 ha, thấp hơn 0,17 ha, đạt 98,67% so với chỉ tiêu.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** dự ước kết quả thực hiện đến 31/12/2021 có diện tích 13,34 ha; đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** kế hoạch được duyệt năm 2021 có diện tích 1.760,47 ha, kết quả thực hiện ước đến 31/12/2021 là 1.753,98 ha; thấp hơn 6,49 ha, đạt 99,63% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do các dự án Nạo vét Rạch Mọi, Nạo vét Rạch Đông đang thực hiện và tiếp tục chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** kế hoạch được duyệt năm 2021 là 13.886,01 ha, dự ước thực hiện đến 31/12/2021 đất mặt nước chuyên dùng có

diện tích 13.887,99 ha; cao hơn 1,98 ha và đạt 100,01% so với chỉ tiêu được duyệt.

2.1.2. Kết quả thực hiện các dự án được ghi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Vĩnh Cửu được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 với tổng số 169 dự án/1.237,64 ha.

Thực tế, để hoàn thành tất cả các công đoạn liên quan đến thủ tục về đất đai khi thực hiện dự án như: chủ trương đầu tư; trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất, định giá đất cụ thể; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... cần phải có thời gian khá dài, nhất là đối với những dự án có diện tích lớn.

Vì vậy, việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 sẽ căn cứ vào tổng số lượng, diện tích các dự án đã thực hiện hoàn thành và đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai là phù hợp với thực tiễn. Kết quả thực hiện các dự án như sau:

- Dự án đã thực hiện: 55 dự án với tổng diện tích 455,68 ha, chiếm 32,54% về số lượng dự án và chiếm 36,82 % về diện tích, gồm:

+ Dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai (đã được cấp thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất): 05 dự án/ 59,39 ha.

+ Dự án đã có quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư: 50 dự án/ 396,29 ha.

- Dự án đang triển khai thực hiện: 39 dự án với tổng diện tích 530,89 ha, chiếm 23,08% về số lượng dự án và chiếm 42,9 % về diện tích, gồm:

+ Dự án đã được cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư: 18 dự án/286,84 ha.

+ Dự án đã được cấp thẩm quyền thông báo thu hồi đất: 21 dự án/244,14 ha.

- Dự án chưa thực hiện: 75 dự án với tổng diện tích 250,89 ha chiếm tỷ lệ 44,38% về số lượng dự án và chiếm 20,27 % về diện tích.

Bảng 02: Tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Kế hoạch được duyệt		Đã và đang thực hiện		Tỷ lệ thực hiện (%)	
		Tổng số dự án	Diện tích	Tổng số dự án	Diện tích	Về số lượng dự án	Về diện tích
	Tổng số:	169	1.237,64	94	986,66	55,62	79,72
1	Đất nông nghiệp	4	49,99	3	40,64	75,00	81,30
1.1	Đất nông nghiệp khác	4	49,99	3	40,64	75,00	81,30
2	Đất phi nông nghiệp	165	1.187,65	91	946,02	55,15	79,65
2.1	Đất quốc phòng	5	91,01	3	64,01	60,00	70,33
2.2	Đất an ninh	5	0,86	5	0,86	100	100
2.2	Đất khu công nghiệp	2	103,60	2	103,60	100	100
2.3	Đất cụm công nghiệp	5	157,00	5	157,00	100	100
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	4	23,82	-	-	-	-
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	5	22,62	2	10,95	40,00	48,41
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	9	227,50	6	151,85	66,67	66,75
2.7	Đất phát triển hạ tầng	79	296,93	35	253,50	44,30	85,37
	- Đất giao thông	24	115,37	11	89,21	45,83	77,33
	- Đất thủy lợi	8	3,38	5	1,54	62,50	45,56
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	3	3,23	-	-	-	-
	- Đất cơ sở y tế	2	0,36	1	0,26	50,00	73,17
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	11	11,80	9	8,80	81,82	74,57
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	5	6,36	2	2,56	40,00	40,26
	- Đất công trình năng lượng	6	132,23	6	132,23	100	100
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	1	18,90	1	18,90	100	100

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Kế hoạch được duyệt		Đã và đang thực hiện		Tỷ lệ thực hiện (%)	
		Tổng số dự án	Diện tích	Tổng số dự án	Diện tích	Về số lượng dự án	Về diện tích
	- Đất cơ sở tôn giáo	18	5,12	-	-	-	-
	- Đất chợ	1	0,19	-	-	-	-
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	25	2,28	24	2,25	96,00	98,52
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	1	4,87	-	-	-	-
2.10	Đất ở tại nông thôn	10	181,49	7	136,82	70,00	75,39
2.11	Đất ở tại đô thị	2	0,68	-	-	-	-
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	7	2,61	-	-	-	-
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	3	0,20	-	-	-	-
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	3	72,18	2	65,18	66,67	90,30

(Chi tiết cụ thể của từng dự án tại Biểu 02B/CH đính kèm)

Cụ thể như sau:

- **Đất nông nghiệp khác:** đã và đang thực hiện 03/04 dự án với tổng diện tích 40,64 ha, đạt 75% số lượng dự án và 81,3% diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản và trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (Công ty CP chăn nuôi Velbred) (2 vị trí) tại xã Phú Lý đã xây dựng xong trang trại, đang hoàn thành phủ tục thuê đất; Cơ sở sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Trại An đã được chấp thuận chủ trương đầu tư.

- **Đất quốc phòng:** đã và đang thực hiện 03/05 dự án với tổng diện tích 64,01 ha, đạt 60% về số lượng và 70,33% diện tích kế hoạch duyệt (gồm: Trung tâm giáo dục quốc phòng an ninh tại xã Tân An đã được giao đất, Căn cứ hậu cần - kỹ thuật huyện Vĩnh Cửu ở xã Hiếu Liêm đã phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư; Trụ sở làm việc dân quân thường trực khu công nghiệp tại xã Thanh Phú đã xây dựng đưa vào sử dụng nhưng chưa hoàn thành thủ tục).

- **Đất an ninh:** 05/05 dự án đất an ninh đã và đang thực hiện với tổng diện tích 0,86 ha, đạt 100% về cả số lượng và diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Công an xã Hiếu Liêm, 04 Trụ sở công an tại các xã: Mã Đà, Phú Lý, Thanh

Phú, Vĩnh Tân. Các dự án đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

- **Đất khu công nghiệp:** đã và đang thực hiện 02/02 dự án với tổng diện tích 103,60 ha, đạt 100% về số lượng và diện tích kế hoạch duyệt; gồm: Khu công nghiệp Sông Mây (thuộc địa bàn xã Tân An - huyện Vĩnh Cửu) và Khu công nghiệp Thanh Phú đã phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư.

- **Đất cụm công nghiệp:** đã và đang thực hiện 05/05 dự án với tổng diện tích 157,0 ha, đạt 100% về số lượng diện tích kế hoạch duyệt. Các dự án gồm: Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú - Thiện Tân) đã hoàn thành công tác bồi thường đang lập thủ tục xin giao đất, Cụm công nghiệp Thiện Tân và Đường vào cụm công nghiệp Thanh Phú - Thiện Tân đã có quyết định thu hồi đất, Cụm công nghiệp Vĩnh Tân đang xin chủ trương đầu tư, Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An đã phê duyệt kế hoạch thu hồi đất và có thông báo thu hồi đất.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** kế hoạch được duyệt năm 2021 có 04 dự án với tổng diện tích 23,82 ha, tuy nhiên đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** đã và đang thực hiện 02/05 dự án với tổng diện tích 10,95 ha, đạt 40% về số lượng và 48,41% diện tích kế hoạch duyệt, gồm: Khu chế biến; đường băng truyền từ mỏ đá Thiện Tân 9 đi ra khu chế biến, khu chế biến ra bến thủy nội địa (Công ty CP Đầu tư xây dựng TMDV XNK Trường Trường Phát JP) tại xã Tân An đã hoàn thành công tác bồi thường; Cơ sở giết mổ tập trung (khu phố 6) tại thị trấn Vĩnh An đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** đã và đang thực hiện 06/09 dự án với tổng diện tích 151,85 ha, đạt 66,67% về số lượng và 66,75% diện tích gồm: Mỏ đá Thiện Tân 2 và Mỏ đá Thiện Tân 4 đã được chuyển mục đích; Mỏ đá Thiện Tân 9 đã có quyết định thu hồi đất; 03 dự án đã có chủ trương đầu tư là Mỏ đá Thanh Phú 1, Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5, Mỏ đá Thiện Tân 8.

- **Đất phát triển hạ tầng:** đã và đang thực hiện 35/79 dự án với tổng diện tích 253,5 ha, đạt 44,3% về số lượng và 85,37% diện tích kế hoạch được duyệt gồm:

+ **Đất giao thông:** đã và đang thực hiện 11/24 dự án với tổng diện tích 89,21 ha, đạt 45,83% về số lượng và 77,33% diện tích gồm: 03 dự án xã Bình Lợi là Đường Bình Ninh, Đường nội đồng cây Gõ, Đường nội đồng giáo Tùng đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục; Đầu tư xây dựng tuyến đường số 7 KCN Thanh Phú đoạn đầu nối ra trục 16 xã Thanh Phú theo quy hoạch,

Đường Kỳ Lâm (xã Thiện Tân) đã có chủ trương đầu tư; Đường Vĩnh Tân - Tân An, Nâng cấp, mở rộng đường Hương lộ 9 (xã Tân Bình) và Nâng cấp, mở rộng Hương lộ 7 (xã Tân Bình, Bình Lợi) đã có thông báo thu hồi đất; Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767 đã phê duyệt phương án bồi thường; Hai tuyến đường vận chuyển VLXD tại mỏ đá Thanh Phú 1 và Thiện Tân 2 đang thu hồi; Nâng cấp, mở rộng đường Hương lộ 15 (xã Thanh Phú, Bình Lợi) đã phê duyệt phương án thi công.

+ **Đất thủy lợi:** đã và đang thực hiện 05/08 dự án với tổng diện tích 1,54 ha, đạt 62,5% về số lượng và 45,56% diện tích gồm: 02 dự án xã Hiếu Liêm là Hệ thống thủy lợi (Bể nước, trạm bơm), Trạm cấp nước sạch đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục; Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung (xã Mã Đà) còn 01 hộ chưa hoàn thành bồi thường; Hệ thống cấp nước sạch nông thôn (xã Trị An) đã nghiệm thu hoàn thành nhưng chưa hoàn thành thủ tục theo quy định; Hệ thống thoát nước chống ngập trên đường ĐT768 (đoạn từ ngã 3 đường Đồng Khởi đến ngã 3 đường D4) (xã Thanh Phú) đã có thông báo thu hồi đất.

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** kế hoạch được duyệt năm 2021 có 03 dự án với tổng diện tích 3,23 ha, tuy nhiên đến nay các dự án chưa được thực hiện.

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** đang thực hiện 01/02 dự án với diện tích 0,26 ha là Trạm y tế xã Mã Đà (đang thu hồi đất), đạt 50% về số lượng và 73,17% diện tích kế hoạch duyệt.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:** đã và đang thực hiện 09/11 dự án với tổng diện tích 8,8 ha, đạt 81,82% về số lượng và 74,57% diện tích gồm: Trường TH - THCS Sao Mai (xã Thanh Phú) đã được cho phép chuyển mục đích; Trường MN Bình Lợi đang thực hiện thủ tục giao đất; Trường TH Bàu Phụng CS2 (xã Phú Lý), Mở rộng trường MN (cơ sở chính) (xã Vĩnh Tân) xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục; Trường MN Thiện Tân, Trường MN Sơn Ca (TT. Vĩnh An), Nâng cấp mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn (TT. Vĩnh An) đã có chủ trương đầu tư; Trường THCS Mã Đà đã có thông báo thu hồi đất; Trường TH Hiếu Liêm (được xây dựng trên diện tích đất trường TH Hiếu Liêm cũ) đã được cấp GCN QSDĐ.

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:** đến nay huyện đã và đang thực hiện 02/05 dự án với tổng diện tích 2,56 ha, đạt 40% về số lượng và 40,26% diện tích được duyệt. 02 dự án: Sân bóng đá (kết hợp khu thể thao) thuộc xã Mã Đà và Sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu (TT. Vĩnh An) đã có thông báo thu hồi đất

+ **Đất công trình năng lượng:** 06/06 dự án đã và đang thực hiện với tổng diện tích 132,23 ha, đạt 100% về cả số lượng lẫn diện tích. Các dự án đã có chủ

trương đầu tư gồm 03 dự án thuộc xã Hiếu Liêm: Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (khu vực tạm sử dụng), Phân pha dây dẫn đường dây 110Kv Trị An - Phú Giáo, Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng; Đường dây 110kV Định Quán 2 - Vĩnh An (TT. Vĩnh An); Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiệm Tân (xã Trị An, TT. Vĩnh An) và 01 dự án đã có quyết định thu hồi đất là Đường dây 500kV Vĩnh Tân rẽ Sông Mây - Tân Uyên.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** đang thực hiện dự án Khu xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp tại xã Vĩnh Tân (đã hoàn thành công tác bồi thường) với diện tích 18,90 ha, đạt 100% về số lượng và diện tích.

- **Đất cơ sở tôn giáo:** có 18 dự án với tổng diện tích 5,12 ha được duyệt năm 2021 nhưng chưa được thực hiện. Các công trình chủ yếu đã có hiện trạng, chủ yếu đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... nhưng đến nay chưa hoàn thành thủ tục theo quy định.

+ **Đất chợ:** kế hoạch được duyệt năm 2021 có 01 dự án là Chợ Phú Lý với diện tích 0,19 ha, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** đã và đang thực hiện 24/25 dự án với tổng diện tích 2,25 ha, đạt 96,00% về số lượng và 98,52% diện tích được duyệt. Đây là các dự án Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp của các xã trên địa bàn huyện đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** 01 dự án được duyệt tại kế hoạch năm 2021 là Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú với diện tích 4,87 ha, tuy nhiên đến nay chưa được thực hiện.

- **Đất ở tại nông thôn:** đã và đang thực hiện 7/10 dự án với tổng diện tích 136,82 ha, đạt 70% về số lượng và 75,39% diện tích gồm 04 dự án đã có quyết định thu hồi đất là Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6 Hiếu Liêm, Khu dân cư (Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hồ Vũ), Khu dân cư tập trung Thạnh Phú (Công ty CP Miền Đông đầu tư hạ tầng), Khu dân cư (Công ty CP Tín Khái); Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp (xã Thạnh Phú) đã có phương án bồi thường và 02 dự án đã có chủ trương đầu tư là Khu dân cư phố chợ (DNTN Thiên Nhiên), Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý).

- **Đất ở tại đô thị:** 02 dự án gồm: Đấu giá đất ở tại (thửa đất 194 tờ bản đồ 40) và Đấu giá đất ở kết hợp với thương mại dịch vụ (thửa 123 tờ 55) tại thị trấn Vĩnh An chưa thực hiện.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** kế hoạch được duyệt năm 2021 toàn huyện có 07 dự án với tổng diện tích 2,61 ha, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện.

- **Đất xây dựng của tổ chức sự nghiệp:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021 có 03 dự án với tổng diện tích 0,2 ha, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** đã và đang thực hiện 02/03 dự án với tổng diện tích 65,18 ha, đạt 66,67% về số lượng và 90,30% diện tích bao gồm: Nạo vét Rạch Mọi tại các xã (đã có quyết định thu hồi) và Nạo vét Rạch Đông xã Tân An (đã có chủ trương đầu tư).

2.1.3. Kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2021

Kết quả chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trong năm 2021 như sau:

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở: 6,08 ha/15 ha, đạt 40,53ha;
- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất ở của hộ gia đình cá nhân: 1,13 ha/5 ha, đạt 22,6%;
- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình cá nhân: 62,12 ha/100 ha, đạt 62,12%;
- Chuyển mục đích từ đất rừng sản xuất sang nông nghiệp không phải là rừng: 6ha/6ha, đạt 100%;
- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 6 ha/6 ha, đạt 100%;
- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản: 0 ha/3 ha, chưa thực hiện;
- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang nông nghiệp khác: 5,8 ha/20 ha, đạt 29% (trong đó chuyển mục đích từ đất lúa sang đất nông nghiệp khác 01ha/10 ha).

2.1.4. Kết quả thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2019

Tổng số dự án nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 huyện Vĩnh Cửu được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4261/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 và Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 10/08/2015; Quyết định số 4278/QĐ-UBND ngày 30/12/2015; Quyết định số 2597/QĐ-UBND ngày 15/08/2016; Quyết định số 4671/QĐ-UBND ngày 30/12/2016; Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 28/08/2017; Quyết định số 4691/QĐ-UBND ngày 28/12/2017; Quyết định số 4691/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 còn lại trong kế hoạch sử dụng đất đến năm 2021 là 98 dự án/ 668,95 ha, kết quả thực hiện như sau:

- Đã thực hiện hoàn thành các thủ tục về đất đai: 4 dự án/58,98 ha chiếm tỷ lệ 4,08% về số lượng dự án và 8,82% về diện tích;

- Đang tiếp tục triển khai thực hiện: 61 dự án/320,09 ha chiếm tỷ lệ 62,24% về số lượng dự án và 70,86% về diện tích gồm: đang thu hồi đất 34 dự án/431,02 ha, đã xây dựng chưa hoàn thành thủ tục đất đai: 27 dự án/43,02 ha;

- Chưa triển khai thực hiện: 33 dự án/136,02 ha chiếm tỷ lệ 33,67% về số lượng dự án và 20,33% về diện tích.

Cụ thể như sau:

- **Đất nông nghiệp khác:** đã xây dựng xong, chủ đầu tư đang lập lại thủ tục gia hạn để đầu tư 02 dự án: Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (12,16 ha) và trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (Công ty CP chăn nuôi Velbred) (2 vị trí) (27,35 ha) tại xã Phú Lý.

- **Đất quốc phòng:** đã thực hiện dự án Trung tâm giáo dục quốc phòng an ninh (xã Tân An) 14,04 ha; đang thực hiện 02 dự án/49,97 ha: Căn cứ hậu cần - kỹ thuật huyện Vĩnh Cửu ở xã Hiếu Liêm đã phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư; Trụ sở làm việc dân quân thường trực khu công nghiệp tại xã Thạnh Phú đã xây dựng đưa vào sử dụng nhưng chưa hoàn thành thủ tục.

- **Đất an ninh:** đang thực hiện 05 công trình/0,86 ha trụ sở công an tại các xã: Hiếu Liêm, Mã Đà, Phú Lý, Thạnh Phú, Vĩnh Tân đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

- **Đất khu công nghiệp:** đang thực hiện 02 dự án/103,60 ha là Khu công nghiệp Sông Mây và Khu công nghiệp Thạnh Phú đã thực hiện phương án bồi thường đất.

- **Đất cụm công nghiệp:** 04 dự án/108,18 ha, trong đó: đã có quyết định thu hồi đất dự án Đường vào cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân, Cụm CN Thiện Tân, Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thạnh Phú - Thiện Tân); có thông báo thu hồi đất đối với Cụm công nghiệp Vĩnh Tân.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** có 01 dự án là Cơ sở giết mổ tập trung (khu phố 6) đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục với diện tích 1,26 ha.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** có 03 dự án/65,39 ha, trong đó: đã có quyết định chấp thuận chuyển mục đích dự án Mỏ đá Thiện Tân 2, Mỏ đá Thiện Tân 4; được chấp thuận chủ trương đầu tư đối với Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5.

- **Đất phát triển hạ tầng:** có 17/79 dự án trong đó 01 dự án đã hoàn tất thủ tục, 16 dự án đang thực hiện với tổng diện tích 40,93 ha.

Trong đó:

+ **Đất giao thông:** đang thực hiện 03 dự án/13,74 ha và đã có thông báo thu hồi đất, gồm: Hai tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng tại mỏ đá Thạnh Phú 1 và Thiện Tân 2, Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 15, Đường Vĩnh Tân - Tân An.

+ **Đất thủy lợi:** 05 dự án/1,54 ha đang thực hiện, trong đó: đã có quyết định thu hồi đất gồm Hệ thống thủy lợi (Bể nước, trạm bơm), Trạm cấp nước sạch (xã Hiếu Liêm), Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung (xã Mã Đà); có thông báo thu hồi đất đối với dự án Hệ thống thoát nước chống ngập trên đường ĐT768 (đoạn từ ngã 3 đường Đồng Khởi đến ngã 3 đường D4); đã có chủ trương đầu tư dự án Hệ thống cấp nước sạch nông thôn (xã Trị An).

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** đang thực hiện dự án Trạm y tế xã Mã Đà có diện tích 0,26 ha.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** 01 dự án đã hoàn thành là Trường Tiểu học Hiếu Liêm (0,9 ha); 03 dự án/3,23 ha đang thực hiện, trong đó 02 dự án đã có quyết định thu hồi đất gồm: Trường MN Bình Lợi, Mở rộng trường MN (cơ sở chính) và 01 dự án đã có thông báo thu hồi đất là Trường THCS Mã Đà.

+ **Đất cơ sở thể dục - thể thao:** 01 dự án đang thực hiện và đã có thông báo thu hồi đất là Sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu (0,86 ha).

+ **Đất công trình năng lượng:** 02 dự án/1,50 ha đang thực hiện, trong đó Đường dây 500kV Vĩnh Tân rẽ Sông Mây - Tân Uyên đã có quyết định thu hồi đất; dự án Đường dây 110kV Định Quán 2 - Vĩnh An đã có chủ trương đầu tư.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** đang thực hiện dự án Khu xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp (phần diện tích còn lại 18,9 ha) tại xã Vĩnh Tân và đã có thông báo thu hồi đất.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** đang thực hiện 24 dự án/2,25 ha, là công trình Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp trên địa bàn các xã Bình Hòa, Bình Lợi, Hiếu Liêm, Mã Đà, Tân An, Tân Bình, Thạnh Phú, Vĩnh Tân.

- **Đất ở tại nông thôn:** 03 dự án/98,26 ha đang thực hiện, gồm: Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6 (xã Hiếu Liêm), Khu dân cư tập trung Thạnh Phú (Công ty CP Miền Đông đầu tư hạ tầng), Khu dân cư (Công ty CP Tín Khai) và các công trình này đã có quyết định thu hồi đất.

- **Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối:** 01 dự án/4,68 ha đang thực hiện là Nạo vét Rạch Mọi trên địa bàn các xã (đã có quyết định thu hồi đất).

(Chi tiết cụ thể của từng dự án tại biểu 02B/CH đính kèm)

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021

2.2.1 Đối với kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Trong tổng số 169 dự án/1.237,64 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhưng hiện nay đã và đang thực hiện chỉ có 109 dự án/ 1.057,91 ha, đạt tỷ lệ 66,87% về số lượng và 81,53% về diện tích.

Trong số 94 dự án đã và đang triển khai thực hiện thì có đến 91 dự án/ 971,10 ha chưa hoàn thành các thủ tục đất đai (chiếm 96,81% số lượng và chiếm 98,42% diện tích các dự án đã và đang thực hiện), chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

- Các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do đơn vị quốc phòng, an ninh thực hiện theo kế hoạch riêng nên công tác đôn đốc triển khai dự án khó thực hiện.

- Việc dự báo nhu cầu sử dụng đất còn có những hạn chế nhất định, chưa lường hết được những khó khăn trong quá trình thực hiện dự án. Do vậy đã đề ra kế hoạch sử dụng đất nhiều, chưa thật sự sát với khả năng triển khai thực hiện dự án.

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải từ ngân sách của huyện nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận, nên tiến độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng phụ thuộc nhiều vào năng lực của chủ đầu tư.

- Trong những năm gần đây, quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải thiện nhiều nhưng vẫn là công việc rất phức tạp, vẫn mất nhiều thời gian để thực hiện nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện của toàn dự án.

2.2.2 Đối với các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 nhưng chưa triển khai thực hiện

Ngoài các nguyên nhân nêu trên, còn một số nguyên nhân khác như:

- Một số dự án (chủ yếu là văn phòng các ấp) do nhu cầu xây dựng nông thôn mới nên khi bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp khó khăn phải điều chỉnh sang vị trí khác thuận lợi hơn để triển khai xây dựng hoặc đã xây dựng nhưng chưa hoàn thành thủ tục về đất đai;

Các công trình tôn giáo đã đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất đã quá 3 năm chưa triển khai thực hiện do các cơ sở tôn giáo chỉ đăng ký cơ sở tôn giáo hợp pháp, chưa lập thủ tục chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất tôn giáo.

- Năm 2015, năm 2016, năm 2017 là năm đầu tiên lập kế hoạch nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện, dẫn đến đưa vào kế hoạch nhiều dự án chưa đầy đủ điều kiện để thực hiện đặc biệt là chưa bố trí được vốn đầu tư. Đồng thời, một số dự án phải trải qua nhiều thủ tục phức tạp, qua nhiều sở ngành nên thời gian kéo dài.

2.2.3. Đề xuất xử lý các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ 2015, năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2019

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và nhu cầu thực tế của huyện Vĩnh Cửu, trong số các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 sẽ đề xuất hủy kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện do quá 3 năm chưa thực hiện hoặc không còn nhu cầu là 63 dự án/116,92 ha. Trong đó:

- Hủy bỏ do dự án đã bị Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra khỏi danh mục dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021, Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 4/12/2020 và Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 và do quá 03 năm nhưng chưa triển khai theo quy định tại Khoản 3, Điều 49, Luật Đất đai năm 2013 là 32 dự án/131,23 ha:

- Dự án đã xây dựng nhưng không làm thủ tục đất đai là 13 dự án/5,23 ha;

- Dự án chưa thực hiện quá 03 năm phải đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 49, Luật Đất đai năm 2013 là 20 dự án/65,23 ha.

Trong quá trình triển khai kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015-2020 do một số yếu tố như: quy hoạch sử dụng đất đang điều chỉnh, thay đổi chủ trương đầu tư hoặc nhà đầu tư, khả năng huy động vốn của chủ đầu tư, vướng mắc trong quá trình làm thủ tục,... do đó một số dự án đã được đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 nhưng đến nay vẫn còn đang thực hiện dang dở. Vì vậy, đề xuất tiếp tục chuyển tiếp 31 dự án/443,37 ha.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được phê duyệt đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến nay vẫn còn chậm, mặc dù UBND huyện đã khẩn trương công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng

đất sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, ban hành nhiều văn bản đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện nhưng quá trình thực hiện còn vướng mắc, khó khăn.

Trong năm phần lớn thời gian bị ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid 19; Nguồn vốn để giải ngân cho các dự án còn chậm nên các dự án chủ yếu đang hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư như: đo đạc, khảo sát, lập báo cáo và trình thẩm định hồ sơ nghiên cứu khả thi, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình; điều chỉnh chủ trương đầu tư, chuyển vẽ ranh thiết kế lên bản đồ địa chính,... Bên cạnh đó, một số dự án có quy mô diện tích lớn như đường giao thông, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư,... trong quá trình thực hiện còn có một số hộ dân chưa đồng ý bàn giao mặt bằng, không cho thực hiện công tác kiểm đếm và khiếu kiện trong công tác bồi thường dẫn đến tiến độ dự án bị kéo dài.

Một số dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện do trước đây dự án được bố trí vốn để thực hiện dự án khi đã thực hiện xong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và phải có quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đầu tư công 2015: dự án được bố trí vốn thực hiện khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư trước 31/10 của năm kế hoạch. Khi được giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện dự án, chủ đầu tư phải thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tổ chức lựa chọn nhà thầu lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình; thực hiện việc thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình để trình cấp quyết định đầu tư phê duyệt làm cơ sở trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công,... các công việc trên mất nhiều thời gian nên một số dự án chậm triển khai thực hiện, ảnh hưởng đến việc giải ngân vốn của năm kế hoạch. Ngoài ra, trong quá trình lập dự án đầu tư chủ đầu tư và đơn vị tư vấn chưa khảo sát đánh giá kỹ hiện trạng nên trong quá trình thực hiện vẫn còn phải thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư hoặc phải xử lý kỹ thuật trong quá trình triển khai thi công xây dựng công trình cũng là một trong những nguyên nhân chính làm chậm tiến độ thực hiện của dự án.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

3.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

3.1.1. Chỉ tiêu kinh tế

Chỉ tiêu phát triển kinh tế năm 2022 của huyện như sau:

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng từ 07% so với năm 2021.
- Giá trị ngành thương mại - dịch vụ tăng 10% so với năm 2021.
- Giá trị sản xuất ngành nông - lâm - thủy sản tăng 4% so với năm 2021.

- Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt 232,541 tỷ đồng (vốn từ ngân sách).
- Thu ngân sách nhà nước đạt dự toán pháp lệnh tinh giao.
- Thành lập mới 02 - 03 hợp tác xã (Tỷ lệ HTX hoạt động có hiệu quả trên 70%).
- Xây dựng 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xây dựng 03-04 khu dân cư đạt chuẩn dân cư kiểu mẫu.

3.1.2. Chỉ tiêu văn hóa - xã hội

- Giữ vững xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục các bậc học và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo chuẩn quốc gia. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 90%, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đạt 9%.
- Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%; học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT và các hình thức học tập khác đạt 90%.
- Giữ vững 100% xã, thị trấn đạt Bộ tiêu quốc gia về y tế.
- Giảm từ 20 - 30% xã không còn hộ nghèo A (theo chuẩn năm 2021-2025).
- Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch đạt chuẩn QC02: dân cư đô thị đạt > 95%; dân cư nông thôn sử dụng đạt 82,5%.
- Tỷ lệ ấp, khu phố văn hóa đạt 90%; hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 90%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa trên 98%; tỷ lệ danh nghiệp đạt chuẩn văn hóa từ 75% trở lên.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%.
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99% (trong đó đúng chuẩn 95%).

3.1.3. Chỉ tiêu Môi trường

- Thu gom và xử lý 100% chất thải y tế; 100% chất thải nguy hại; 100% chất thải rắn sinh hoạt; 100% chất thải công nghiệp không nguy hại.
- Ổn định tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 65%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 63%.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Trên cơ sở đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các Sở, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn, nhu cầu của các chủ đầu tư, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện và kế hoạch bố trí vốn đầu tư công của huyện trong năm 2022. Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Vĩnh Cửu được tổng hợp như sau:

3.2.1. Số lượng dự án thực hiện trong năm 2022

Kế hoạch năm 2022, trên địa bàn huyện sẽ thực hiện 112 dự án sử dụng đất với tổng diện tích 1.032,32 ha. Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 sang năm 2022 là 97 dự án /986,19 ha.

- Dự án đăng ký bổ sung mới: 15 dự án /46,13 ha.

Bảng 03: Số lượng công trình, dự án đưa thực hiện trong năm 2022

Đơn vị tính: ha

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Chuyển tiếp từ KHSDĐ 2021		Bổ sung mới	
				Số dự án	Diện tích	Số dự án	Diện tích
	Đất nông nghiệp	3	40,64	3	40,64	0	-
1	Đất nông nghiệp khác	3	40,64	3	40,64	-	-
	Đất phi nông nghiệp	109	991,68	94	945,55	15	46,13
1	Đất quốc phòng	3	76,00	3	76,00	-	-
2	Đất an ninh	2	0,62	1	0,20	1	0,42
3	Đất khu công nghiệp	2	110,17	2	110,17	-	-
4	Đất cụm công nghiệp	4	102,20	4	102,20	-	-
5	Đất thương mại, dịch vụ	3	30,72	2	23,67	1	7,05
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3	15,80	2	14,52	1	1,28
7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	10	200,81	9	194,31	1	6,50
8	Đất phát triển hạ tầng	58	278,22	50	267,15	8	11,07
	Trong đó:						
	- Đất giao thông	22	118,69	20	115,86	2	2,83
	- Đất thủy lợi	1	0,80	1	0,80	-	-
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	3	3,23	3	3,23	-	-
	- Đất cơ sở y tế	2	0,36	2	0,36	-	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	8	9,26	8	9,26	-	-
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	4	3,50	4	3,50	-	-
	- Đất công trình năng lượng	5	131,24	5	131,24	-	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	2	6,06	0	-	2	6,06
	- Đất cơ sở tôn giáo	11	5,09	7	2,91	4	2,18
9	Đất sinh hoạt cộng đồng	4	0,24	3	0,13	1	0,11
10	Đất ở tại nông thôn	8	105,69	7	86,89	1	18,80
11	Đất ở tại đô thị	2	0,68	2	0,68	-	-
12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	7	2,61	7	2,61	-	-

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Chuyển tiếp từ KHSDĐ 2021		Bổ sung mới	
				Số dự án	Diện tích	Số dự án	Diện tích
13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,90	0	-	1	0,90
14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	2	67,02	2	67,02	-	-
	Tổng số	112	1.032,32	97	986,19	15	46,13

(Danh mục các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện được thể hiện trong Biểu 06/CH)

3.2.1.1. Các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

a. Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh

- **Đất quốc phòng:** 03 dự án/76 ha

+ Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021: 03 dự án/76,0 ha, gồm: Công trình căn cứ hậu cần - kỹ thuật và thao trường huấn luyện huyện Vĩnh Cửu tại xã Hiếu Liêm (49,0 ha); Công trình quốc phòng (DA1) - Bộ CHQST thuộc xã Thiện Tân (5,70 ha); Trường bắn BB tại xã Tân An (21,30 ha).

- **Đất an ninh:** 2 dự án/0,62, gồm: chuyển tiếp 01 dự án/0,2 ha từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 là Trụ sở công an xã Mã Đà; bổ sung mới dự án Trụ sở Công an xã Thiện Tân diện tích 0,42 ha.

b. Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

- **Đất khu công nghiệp:** 02 dự án/110,17 ha. Toàn bộ là dự án được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021, gồm: Khu công nghiệp Thanh Phú (51,57 ha), Khu công nghiệp Sông Mây (thuộc địa bàn xã Tân An - huyện Vĩnh Cửu) với diện tích 58,60 ha.

3.2.1.2. Công trình, dự án còn lại

a. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất

- **Đất cụm công nghiệp:** có 04 dự án/102,20ha

Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 có 05 dự án, gồm: Đường vào cụm công nghiệp Thanh Phú - Thiện Tân (3 ha); Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An (Công ty CP Đầu tư Xây dựng phát triển Cường Thuận IDICO) (48,82 ha); Cụm CN Thiện Tân (48,9 ha); Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú - Thiện Tân) (1,48 ha);

- **Đất giao thông:** 22 dự án/ 118,69 ha

+ Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021: 20 dự án/115,86 ha, gồm: Nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 9 (10,05 ha); Đường Vĩnh Tân - Tân An (3,0 ha); Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 15 (9,60 ha); Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 7 (9,1 ha); Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767 thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (50,0 ha); Đường ấp 3 xã Tân An (4,50 ha); Đường và cầu số 3, số 4 xã Hiếu Liêm (3,40 ha); Dự án đầu nối đường Quang Trung với đường Lý Thái Tổ (0,80 ha); Đường giao thông trong khu trung tâm hành chính xã Mã Đà (2,36 ha); Trung tâm văn hóa huyện (Đường N2, N3) tại TT. Vĩnh An (2,39 ha); Đường Bến Xúc (nối Vĩnh Cửu - Trảng Bom) 1,20 ha; Hạ tầng khu trung tâm xã Thạnh Phú 9,90 ha; Đường Kỳ Lân (4,0 ha); Vĩa hè tuyến đường ĐT 768 nối dài (đoạn từ nút giao thông ĐT 768 đến nút ĐT 762) 1,68 ha; Đầu tư xây dựng tuyến đường số 7 KCN Thạnh Phú đoạn đầu nối ra trục 16 xã Thạnh Phú theo quy hoạch 0,10 ha; Đường Bình Ninh (0,67 ha); Đường nội đồng cây Gõ (0,45 ha); Đường nội đồng giáo Tùng (0,65 ha); Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối Hương lộ 7 (1,06 ha); Mở rộng đường cây Gõ (0,5 ha).

+ Bổ sung mới 02 dự án/2,83 ha tại thị trấn Vĩnh An, gồm: Đường Chu Văn An (2,33 ha); Cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5 (0,5 ha)

- **Đất thủy lợi:** chuyển tiếp 01 dự án/ 0,8 ha là Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông 0,80 ha.

- **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** có 03 dự án/3,23 ha.

Toàn bộ là dự án được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021, gồm: Trung tâm văn hóa xã Hiếu Liêm (1,03 ha), Trung tâm học tập cộng đồng xã Mã Đà (1,01 ha), Trung tâm Văn hóa xã Bình Hòa (1,19 ha).

- **Đất xây dựng cơ sở y tế:** có 02 dự án/0,36 ha chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 gồm: Trạm y tế xã Mã Đà (0,26 ha), Trạm y tế xã Bình Lợi (0,1 ha).

- **Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:** có 08 dự án/9,26 ha

Toàn bộ dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021: 08 dự án, gồm: Trường MN Bình Lợi (0,56 ha); Trường TH - THCS Mã Đà (1,53 ha); Trường Tiểu học Bàu Phụng (CS2) 1,10 ha; Trường TH Tân Phú xã Thạnh Phú (địa điểm mới ấp 1) 2,20 ha; Trường MN Sơn Ca (1,20 ha); Trường MN Thiện Tân (0,96 ha); Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn (0,91 ha); Trường Tiểu học Bình Lợi (0,80 ha).

- **Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:** có 04 dự án/3,50 ha.

Toàn bộ dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021, gồm: Sân bóng đá (kết hợp khu thể thao xã Mã Đà) 1,70 ha; Sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu (0,86 ha); Sân bóng xã Hiếu Liêm (0,65 ha); Sân vận động ấp 1 (0,29 ha).

- **Đất công trình năng lượng:** có 05 dự án/131,24 ha chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021, gồm: Đường dây 110 kV Định Quán 2 -Vĩnh An (0,48 ha); Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiềm Tân (0,26 ha); Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (Khu vực tạm sử dụng) tại xã Hiếu Liêm (92,23 ha); Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Trị An - Phú Giáo (0,09 ha); Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng (38,18 ha).

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** kế hoạch sử dụng đất năm 2022 bổ sung mới 02 công trình/ 6,06 ha, gồm: Nhà máy xử lý và tái chế rác thải tại xã Vĩnh Tân (5,06 ha); Trạm trung chuyển rác tại Phú Lý (1,0 ha).

- **Đất cơ sở tôn giáo:** 11 dự án/ 5,09 ha

+ Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 có 07 dự án/ 2,91 ha, gồm: Chùa Linh Sơn (0,72 ha), Chi hội Tin lành Phú Lý (0,07 ha), Chi hội tin lành Hiếu Liêm (0,81 ha), Niệm phật đường Phước An (0,19 ha), Tịnh thất Viên Quang (0,72 ha), Chùa Giác Pháp (0,25 ha), Thiền tự Nhất Quang (0,15 ha).

+ Bổ sung mới 04 công trình/ 2,18 ha, gồm: chùa Từ Đức (0,14 ha), giáo xứ Thịnh An (1,27 ha), giáo xứ Thuận An (0,7 ha), chi hội Tin Lành Vĩnh An (0,07 ha).

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** có 04 dự án/0,24 ha

+ Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 có 03 dự án: Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp trên địa bàn xã: Mã Đà (02 dự án/0,1 ha), Hiếu Liêm (01 dự án/0,03 ha).

+ Bổ sung mới 01 dự án/0,11 ha: Nhà văn hóa ấp Bình Lục tại xã Tân Bình.

- **Đất ở tại nông thôn:** có 08 dự án/105,69 ha.

+ 07 dự án/86,89 ha chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021, trong đó, xã Thạnh Phú có 03 công trình: Khu dân cư kết hợp tái định cư, thương mại dịch vụ ấp Ông Hường (5,8 ha), Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý) 6,76 ha, Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp (Công ty TNHH BĐS Trịnh Vũ Giáp) 5,62; xã Hiếu Liêm: Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6 (42,43 ha); có 01 dự án/23,48 ha tại xã Tân An là Khu dân cư (Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hồ Vũ); 01 dự án/2,70 ha xã Tân Bình là Khu dân cư phố chợ (DNTN Thiên Nhiên); xã Bình Lợi: 02 Khu đất đấu giá.

+ Bổ sung mới trong kế hoạch năm 2022: Khu dân cư tập trung xã Thạnh Phú (18,80 ha).

- **Đất ở tại đô thị:** 02 dự án/0,68 ha tiếp tục thực hiện đấu giá đất ở tại thửa đất 194 tờ bản đồ số 40 (0,31 ha), Đất ở kết hợp với thương mại dịch vụ (thửa 123 tờ 55) (0,37 ha).

- **Đất xây dựng của tổ chức sự nghiệp:** có 01 dự án/0,9 ha là Trại Kiểm lâm xã Phú Lý.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** 02 dự án/67,02 ha, toàn bộ chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 có 02 dự án/67,02 ha, gồm: Nạo vét rạch Mọi (6,52 ha); Nạo vét Rạch Đông xã Tân An (60,50 ha).

b. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất

- **Đất nông nghiệp khác:** có 03 dự án/40,64 ha

+ Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021: Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (Công ty CP chăn nuôi Velbred) (2 vị trí) có diện tích 27,35 ha; Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (12,16 ha); Cơ sở sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Trại An (Cty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Chí Phú) tại xã Trại An với diện tích 1,13 ha.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** có 03 dự án/30,72 ha

+ 02 dự án/23,67 ha chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, gồm: Cầu tàu du lịch Hiếu Liêm (Công ty TNHH TMDV Hoàng Gia Bảo); Khu đất đấu giá (Khu du lịch Đảo Ó - Đồng Trường) diện tích 23,38 ha.

+ Bổ sung mới 01 dự án/7,05 ha: Điểm du lịch sinh thái Green Heaven (TT. Vĩnh An) diện tích 7,05 ha;

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** có 03 dự án/15,80 ha

+ Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021: 02 dự án/14,52 ha, gồm: Khu chế biến; đường băng truyền từ mỏ đá Thiện Tân 9 đi ra khu chế biến, khu chế biến ra bến thủy nội địa tại xã Tân An (9,69 ha) và Khu đấu giá theo quy hoạch (xã Tân An) diện tích 4,83 ha.

+ 01 dự án bổ sung mới: Công trình phụ trợ mỏ đá Thạnh Phú 3 (1,28 ha).

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** 10 dự án/200,81 ha

+ Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 có dự án 09/194,31 ha gồm: Mỏ đá Thạnh Phú 1 (29,66 ha), Mỏ đá Thiện Tân 2 (0,94 ha), Mỏ đá Thiện Tân 4 (14,29 ha), Mỏ đá Thiện Tân 5 (16,80 ha), Mỏ đá Thiện Tân 10 (Đồi chùa 3) 55,48 ha, Mỏ đá Thiện Tân 9 (30,70 ha), Mỏ đá Thiện Tân 3 (16,17 ha), Mỏ đá Thiện Tân 1 (4,17 ha), Mỏ đá Thiện Tân 8 (26,10 ha).

+ Bổ sung mới vào kế hoạch năm 2022: 01 dự án/6,50 ha là Mỏ đá Thiện Tân 7.

c. Các khu vực khác

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** 07 dự án/2,61 ha. Toàn bộ dự án được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021, gồm: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trụ sở Quân sự, trụ sở UBND các xã Mã Đà, Hiếu Liêm, xã Bình Hòa, thị trấn Vĩnh An để hoàn thành thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận theo quy định.

3.2.2. Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2022

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở: 15 ha, trong đó đất trồng lúa sang đất ở là 5 ha;

- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình cá nhân 100 ha;

- Chuyển đất nông nghiệp sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 10 ha, trong đó đất lúa chuyển sang là 4 ha;

- Chuyển đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng 20 ha;

- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản của hộ gia đình cá nhân 3,0 ha;

- Chuyển mục đích đất phi nông nghiệp không phải đất ở, chuyển sang đất ở 1,0 ha;

- Chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp 20 ha, trong đó chuyển từ mục đích đất trồng lúa sang nông nghiệp khác 10 ha.

Diện tích chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân căn cứ vào chỉ tiêu chuyển mục đích nêu trên; vị trí chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân căn cứ vào bản đồ quy hoạch sử dụng đất được duyệt.

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng năm 2021 được tính toán trên cơ sở thống kê đất đai năm 2020 và các công trình đã thực hiện xong trong năm kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong năm 2022 của huyện và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương để phân bổ nhu cầu sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo phát huy được lợi thế và có tính khả thi. Theo đó chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Vĩnh Cửu như sau:

Bảng 04: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích năm 2021 (dự ước)	Kế hoạch sử dụng đất 2022		
			Diện tích (ha)	Tăng (+); Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	89.039,53	88.341,33	-698,20	81,11
1.1	Đất trồng lúa	1.554,69	1.475,77	-78,92	1,67
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.305,94	1.273,16	-32,78	1,44
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2.190,74	2.057,04	-133,70	2,33
1.3	Đất trồng cây lâu năm	11.689,94	11.376,09	-313,85	12,88
1.4	Đất rừng phòng hộ	11,57	11,57	-	0,01
1.5	Đất rừng đặc dụng	64.102,75	64.102,75	-	72,56
1.6	Đất rừng sản xuất	7.950,35	7.748,98	-201,37	8,77
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	2.221,47	2.221,47	0,00	2,51
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.223,67	1.203,45	-20,22	1,36
1.8	Đất nông nghiệp khác	315,82	365,68	49,86	0,41
2	Đất phi nông nghiệp	19.874,91	20.573,11	698,20	18,89
2.1	Đất quốc phòng	167,50	243,50	76,00	1,18
2.2	Đất an ninh	9,87	10,49	0,62	0,05
2.3	Đất khu công nghiệp	120,96	219,89	98,93	1,07
2.4	Đất cụm công nghiệp	158,47	259,19	100,72	1,26
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	59,40	67,98	8,58	0,33
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	324,97	334,29	9,32	1,62
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	467,03	551,95	84,92	2,68
2.8	Đất phát triển hạ tầng	1.777,70	1.963,96	186,26	9,55
	<i>Trong đó:</i>				
	- Đất giao thông	1.102,47	1.140,68	38,21	58,08
	- Đất thủy lợi	74,03	73,41	-0,62	3,74
	- Đất cơ sở văn hoá	11,89	11,89	0,00	0,61

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích năm 2021 (dự ước)	Kế hoạch sử dụng đất 2022		
			Diện tích (ha)	Tăng (+); Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	- Đất cơ sở y tế	8,49	8,75	0,26	0,45
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	84,90	92,16	7,26	4,69
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	12,05	17,47	5,42	0,89
	- Đất công trình năng lượng	131,79	263,03	131,24	13,39
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,61	2,61	0,00	0,13
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	15,41	15,41	0,00	0,78
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	83,23	84,23	1,00	4,29
	- Đất cơ sở tôn giáo	30,28	33,79	3,51	1,72
	- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	216,51	216,49	-0,02	11,02
	- Đất chợ	4,04	4,04	-	0,21
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,64	6,62	-0,02	0,03
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	8,84	13,71	4,87	0,07
2.11	Đất ở tại nông thôn	938,19	1.038,62	100,43	5,05
2.12	Đất ở tại đô thị	177,54	178,76	1,22	0,87
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,49	17,36	-1,13	0,08
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	15,14	16,04	0,90	0,08
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,39	13,39	0,00	0,07
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.718,62	1.749,76	31,14	8,51
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	13.892,16	13.887,60	-4,56	67,50

(Chi tiết chỉ tiêu thu hồi đất theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 03/CH)

3.3.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 88.341,33 ha. So với dự ước hiện trạng năm 2021, diện tích giảm 698,20 ha. Nguyên nhân giảm để thực hiện các dự án phi nông nghiệp, trong đó, giảm nhiều vào mục đích đất phát triển hạ tầng, đất ở nông thôn, đất quốc phòng, đất cụm công nghiệp,... Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** diện tích kế hoạch đến năm 2022 là **1.475,77 ha, giảm 78,92 ha** so với năm 2021. Diện tích giảm chủ yếu chuyển sang các mục đích đất trồng cây lâu năm, đất ở nông thôn, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm, đất cụm công nghiệp,...

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: chỉ tiêu kế hoạch 2022 có diện tích **1.273,16 ha và giảm 32,78 ha** so với hiện trạng 2021 (dự ước).

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** năm 2022 diện tích kế hoạch là 2.057,04 ha, giảm 133,70 ha so với năm 2021. Diện tích giảm chủ yếu do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án đất cụm công nghiệp, đất ở tại nông thôn, đất khu công nghiệp, đất công trình năng lượng,...

- **Đất trồng cây lâu năm:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 11.466,09 ha, giảm thực 223,85 ha so với năm 2021 do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trong đó, chủ yếu chuyển sang mục đích đất ở tại nông thôn 42,06 ha, đất quốc phòng 45,05 ha, đất cụm công nghiệp 35,85 ha, đất giao thông 35,15 ha,... Bên cạnh đó, diện tích tăng thực đất trồng cây lâu năm trong năm là 120,0 ha từ đất trồng lúa và đất rừng sản xuất chuyển sang.

- **Đất rừng phòng hộ:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 11,57 ha, ổn định so với năm 2021.

- **Đất rừng đặc dụng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 có diện tích 64.102,75 ha, ổn định so với năm 2021 so với năm 2021.

- **Đất rừng sản xuất:** chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2022 là 7.748,98 ha. So với năm 2021, diện tích giảm 201,37 ha. Phần diện tích giảm chủ yếu để thực hiện các dự án đất công trình năng lượng (59,98 ha), đất ở (36,63 ha), đất quốc phòng (17,86 ha),...

Trong đó, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: chỉ tiêu kế hoạch 2022 ổn định so với năm 2021, có diện tích 2.221.47 ha.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 1.203,45 ha. So với năm 2021, giảm 20,22 ha. Trong đó, diện tích giảm thực là 23,22 ha do chuyển mục đích sang các mục đích sử dụng khác: đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 11,29 ha; đất công trình năng lượng 4,38 ha; đất ở tại nông thôn 2,81ha;... và phần diện tích tăng thực từ đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản là 3,00 ha.

- **Đất nông nghiệp khác:** kế hoạch sử dụng đất đến năm 2022 là 365,68 ha, tăng 49,86 ha so với năm 2021, để tiếp tục thực hiện các trang trại chăn nuôi tại Phú Lý.

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 đất phi nông nghiệp có diện tích 20.573,11 ha. So với năm 2021, diện tích tăng 698,20 ha sử dụng từ đất nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương. Cụ thể:

- **Đất quốc phòng:** chỉ tiêu năm 2022 là 243,50 ha, tăng 76 ha so với năm 2021. Diện tích tăng chủ yếu do một số chỉ tiêu đất nông nghiệp chuyển sang để thực hiện các công trình quốc phòng lớn như Trường bắn BB, Công trình quốc phòng (DA1) - Bộ CHQST,...

- **Đất an ninh:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 10,49 ha, so với năm 2021 tăng 0,62 ha để thực hiện các Trụ sở công an xã tại một số địa bàn.

- **Đất khu công nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 219,89 ha, tăng 98,93 ha so với năm 2021. Diện tích tăng do tiếp tục thực hiện Khu công nghiệp Thanh Phú và phần còn lại Khu công nghiệp Sông Mây.

- **Đất cụm công nghiệp:** kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 259,19 ha, tăng 100,72 ha so với năm 2021 do tiếp tục thực hiện chuyển tiếp các dự án cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** chỉ tiêu diện tích năm 2022 là 67,98 ha, tăng 8,58 ha so với năm 2021. Phần diện tích tăng tiếp tục thực hiện công trình chuyển tiếp và bổ sung mới.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 334,29 ha. So với năm 2021, diện tích tăng 9,32 ha, tiếp tục thực hiện các dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2022 là 551,95 ha, tăng 84,92 ha so với năm 2021. Diện tích tăng để tiếp tục thực hiện các khu khai thác mỏ đá đã được đưa vào kế hoạch.

- **Đất phát triển hạ tầng:** Diện tích kế hoạch đến năm 2022 là 1.963,96 ha. So với năm 2021, diện tích tăng 186,26 ha. Cụ thể:

+ **Đất giao thông:** kế hoạch năm 2022 diện tích là 1.140,68 ha, tăng 38,21 ha so với hiện trạng 2021. Trong đó, diện tích tăng thực 52,36 ha là do tiếp tục thực hiện các công trình phát triển mạng lưới giao thông; còn diện tích giảm thực trong kỳ là 14,15 ha để dùng vào các mục đích sử dụng đất khác như: đất công trình năng lượng, đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm,...

+ **Đất thủy lợi:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 73,41 ha, so với năm 2021 tăng 0,62 ha.

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** so với năm 2021 thì chỉ tiêu kế hoạch đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2022 ổn định với diện tích 11,89 ha.

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** diện tích kế hoạch đến năm 2022 là 8,75 ha, tăng 0,26 ha so với hiện trạng (dự ước) năm 2021 để thực hiện trạm y xã Mã Đà.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2022 là 92,16 ha, tăng 7,26 ha so với năm 2021 do một số mục đích sử dụng đất chuyển sang để xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục - đào tạo.

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:** diện tích kế hoạch năm 2022 là 17,47 ha, tăng 5,42 ha so với năm 2021. Diện tích tăng do bố trí đất để làm sân bóng, sân vận động các ấp trên địa bàn xã.

+ **Đất công trình năng lượng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 263,03 ha, so với năm 2021 tăng 131,24 ha là do một số chỉ tiêu đất khác chuyển sang như đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm,... để xây dựng, mở rộng các công trình năng lượng.

+ **Đất công trình bưu chính viễn thông:** so với hiện trạng năm 2021 thì đất công trình bưu chính viễn thông ổn định với diện tích 2,61 ha.

+ **Đất có di tích lịch sử - văn hóa:** diện tích năm 2022 là 15,41 ha, ổn định so với năm 2021.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 84,23 ha, so với hiện trạng năm 2021 tăng 1,0 ha để thực hiện các trạm trung chuyển rác tại xã Phú Lý.

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** diện tích kế hoạch đến năm 2022 diện tích đất tôn giáo là 33,79 ha, tăng 3,51 ha so với năm 2021.

+ **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 216,49 ha, giảm 0,02 ha so với năm 2021 do phần diện tích này được chuyển sang đất sông, ngòi, kênh, rạch và đất giao thông.

+ **Đất chợ:** so với hiện trạng (dự ước) năm 2021 thì đất chợ ổn định với diện tích 4,04 ha trong chỉ tiêu kế hoạch 2022.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** kế hoạch năm 2022 là 6,62 ha, giảm 0,02 ha so với năm 2021. Diện tích giảm do chuyển sang chỉ tiêu đất giao thông.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 13,71 ha, tăng 4,87 ha so với năm 2021. Đây là diện tích đất trồng lúa chuyển sang để thực hiện dự án Hạ tầng khu trung tâm xã Thanh Phú.

- **Đất ở tại nông thôn:** kế hoạch năm 2022, diện tích là 1.038,62 ha, tăng 100,43 ha so với năm 2021. Trên thực tế, diện tích tăng thực là 105,64 ha chủ yếu từ chỉ tiêu đất nông nghiệp chuyển sang để thực hiện các dự án khu dân cư

và khu đất lợi thế tại các xã; còn diện tích giảm thực là 5,21 ha để chuyển sang mục đích sử dụng khác như: đất giao thông, đất khu công nghiệp,...

- **Đất ở tại đô thị:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 178,76 ha, tăng 1,22 ha so với năm 2021. Diện tích tăng do nhu cầu chuyển đổi mục đích sang đất ở đô thị tại thị trấn Vĩnh An, đồng thời giảm do chuyển sang mục đích phi nông nghiệp khác.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** kế hoạch năm 2022 là 17,36 ha, giảm 1,13 ha so với năm 2021 chủ yếu do chuyển sang đất an ninh, đất ở đô thị,...

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** chỉ tiêu diện tích năm 2022 là 16,04 ha, tăng 0,9 ha so với năm 2021.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** diện tích đến năm 2022 13,39 ha, ổn định so với năm 2021.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** kế hoạch đến năm 2022 là 1.749,76 ha, tăng 31,14 ha so với năm 2021. Diện tích tăng do thực hiện dự án cải tạo, nạo vét các suối.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** diện tích đến năm 2022 là 13.887,60 ha, giảm 4,56 ha so với năm 2021. Phần diện tích giảm chuyển sang mục đích sử dụng khác là đất công trình năng lượng.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

3.4.1. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất hiện trạng

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	698,20
1.1	Đất trồng lúa	55,92
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	27,88
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	123,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	311,06
1.4	Đất rừng sản xuất	181,37
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	23,22
1.6	Đất nông nghiệp khác	2,93
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	33,00
	<i>Trong đó:</i>	
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	10,00

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	3,00
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	20,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	1,68

(Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 4A/CH kèm theo)

3.4.2. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính

b) Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	798,80
1.1	Đất trồng lúa	174,84
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	47,46
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	63,12
1.3	Đất trồng cây lâu năm	316,55
1.4	Đất rừng phòng hộ	5,90
1.5	Đất rừng sản xuất	235,55
1.6	Đất nông nghiệp khác	2,84
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	123,00
	<i>Trong đó:</i>	
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	100,00
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	3,00
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	20,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	1,68

(Chỉ tiêu chuyển mục đích theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 4B/CH kèm theo)

3.4.2. Dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và các trường hợp hộ gia đình, cá nhân xin chuyển đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2022

Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất năm 2022, rà soát với bản đồ địa chính xác định trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu có 33 dự án/592,99 ha. Trong đó có sử dụng đất trồng lúa 164,65 ha, đất rừng phòng hộ 5,9 ha.

Bảng 06: Dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2022

Đơn vị tính: ha

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Tổng diện tích	Diện tích thu hồi	Trong đó sử dụng vào		
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
1	Đất quốc phòng	1	21,30	21,30	1,63	-	-
2	Đất cụm công nghiệp	2	97,72	97,72	27,78	-	-
3	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	9	196,64	110,41	96,57	-	-
4	Đất phát triển hạ tầng	18	200,03	143,09	17,82	5,9	0,13
	- Đất giao thông	14	106,26	49,32	17,32	-	-
	- Đất thủy lợi	1	0,80	0,80	0,35	-	-
	- Đất công trình năng lượng	3	92,9	92,97	0,15	5,90	-
5	Đất ở tại nông thôn	2	12,38	12,38	9,40	-	-
6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	2	65,18	37,91	11,47	-	-
	Tổng	34	593,25	422,81	164,67	5,9	-

* Dự án có sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên và đất rừng đặc dụng từ 20 ha trở lên: 06 dự án/140,48 ha trong đó sử dụng vào đất trồng lúa 107,21 ha, gồm: Cụm công nghiệp Thiện Tân (22,08 ha), Mỏ đá Thanh Phú 1 (20,87 ha), Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 (16,80 ha), Mỏ đá Thiện Tân 10 (Đồi chùa 3) (15,35 ha), Mỏ đá Thiện Tân 9 (16,21 ha), Mỏ đá Thiện Tân 8 (15,9 ha).

* Dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha, rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng dưới 20 ha: có 27 dự án/190,10 ha sử dụng vào đất trồng lúa 57,46 ha; 01 dự án/92,23 ha sử dụng đất rừng phòng hộ 5,90 ha.

Cụ thể:

- **Đất quốc phòng:** 01 dự án /21,3 ha, trong đó sử dụng đất lúa dự án Trường bản BB (1,63 ha),

- **Đất cụm công nghiệp:** 02 dự án/97,72 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa 48,56 ha với các dự án: Cụm CN Thiện Tân (22,08 ha), Đầu tư xây dựng kết cấu

hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An (Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng phát triển Cường Thuận IDICO) 5,70 ha.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất đồ gốm:** 09 dự án/196,64 ha, trong đó sử dụng 96,57 ha đất trồng lúa, đây là các dự án mở đá nằm chủ yếu trên địa bàn xã Thiện Tân.

- **Đất phát triển hạ tầng:** 18 dự án/201,3 ha, trong đó diện tích sử dụng vào đất trồng lúa là 17,8 ha; đất rừng phòng hộ 5,90 ha; đất rừng đặc dụng 0,13 ha. Trong đó:

+ **Đất giao thông:** 14 dự án/106,26 ha. Các công trình sử dụng vào diện tích đất trồng lúa là 17,32 ha, gồm: Đường Vĩnh Tân - Tân An; Nâng cấp mở rộng các tuyến đường Hương lộ 15, Hương lộ 7, Hương lộ 9; Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767, thị trấn Vĩnh An; Đường ấp 3 xã Tân An; Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú (đường N4, D4, D5); Đường Kỳ Lân; Đường Bình Ninh; Đường nội đồng cây Gõ; Đường nội đồng giáo Tùng; Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối với Hương lộ 7; Mở rộng đường cây Gõ; Đường Chu Văn An.

+ **Đất thủy lợi:** 01 dự án/0,8 ha, sử dụng đất trồng lúa 0,35 ha là Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông tại xã Tân An.

+ **Đất công trình năng lượng:** 03 dự án/92,97 ha, trong đó 02 dự án sử dụng 0,15 ha đất trồng lúa gồm: Đường dây 110kV Định Quán 2 - Vĩnh An (0,13 ha), Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiêm Tân (0,02 ha); 01 dự án sử dụng 5,90 ha vào đất rừng phòng hộ là Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (khu vực tạm sử dụng).

- **Đất ở nông thôn:** 02 dự án/ 12,38 ha, sử dụng vào đất trồng lúa 9,4 ha, bao gồm: Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý) 5,4 ha; Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp (Công ty TNHH BĐS Trịnh Vũ Giáp) 4 ha.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** 02 dự án/65,18 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa 11,47 ha gồm: Nạo vét Rạch Mọi (2,07 ha), Nạo vét Rạch Đông (9,4 ha).

3.5. Diện tích đất cần thu hồi đất trong năm 2022

Bảng 07: Diện tích cần thu hồi đất theo từng loại đất năm 2022

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích thu hồi (ha)
1	Đất nông nghiệp	589,72
1.1	Đất trồng lúa	68,08

Thứ tư	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích thu hồi (ha)
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	22,83
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	55,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	253,50
1.4	Đất rừng phòng hộ	5,90
1.5	Đất rừng sản xuất	176,33
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	22,49
1.7	Đất nông nghiệp khác	7,84
2	Đất phi nông nghiệp	57,12
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	18,39
2.2	Đất phát triển hạ tầng	15,76
	<i>Trong đó:</i>	
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,42
	- Đất giao thông	6,59
	- Đất thủy lợi	5,25
	- Đất công trình năng lượng	3,50
2.3	Đất ở tại nông thôn	11,89
2.4	Đất ở tại đô thị	1,31
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,43
2.6	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,07
2.7	Đất cơ sở tôn giáo	1,98
2.8	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	0,06
2.10	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	3,06
2.11	Đất có mặt nước chuyên dùng	4,17

(Chi tiết chỉ tiêu thu hồi đất theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 05A/KH)

3.6. Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2022

Trong số các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 nêu trên thì các dự án sẽ đăng ký thu hồi đất theo Điều 61, Điều 62, Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 Khoản 8, khoản 10, khoản 60 Điều 2 - Nghị định 01/2017/NĐ-CP là 101 dự án/1.179,78 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 1.011,7 ha. Trong đó:

Bảng 08: Số lượng công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2022

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)
----	----------------------	-------------------	-------------------------------	------------------------------

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)
1	Đất nông nghiệp khác	2	39,51	31,66
2	Đất quốc phòng	3	76,00	76,00
3	Đất an ninh	1	0,42	0,42
4	Đất khu công nghiệp	2	110,17	98,93
5	Đất cụm công nghiệp	4	102,20	100,72
6	Đất phát triển hạ tầng	50	262,03	203,43
	Trong đó:			
	- Đất giao thông	22	110,96	52,36
	- Đất thủy lợi	1	0,80	0,80
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	1	0,26	0,26
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	6	7,26	7,26
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	3	5,42	5,42
	- Đất công trình năng lượng	5	131,24	131,24
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	1	1,00	1,00
	- Đất cơ sở tôn giáo	11	5,09	5,09
	- Đất chợ	0	-	-
7	Đất sinh hoạt cộng đồng	3	0,21	0,11
8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	1	4,87	4,87
8	Đất ở tại nông thôn	7	105,59	91,89
9	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,90	0,90
13	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	2	65,18	37,91
	Tổng	76	767,08	646,84

(Chi tiết cụ thể của từng dự án tại biểu 5B/CH đính kèm)

3.6.1. Các công trình dự án sử dụng vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi trong năm kế hoạch

- Các dự án cần thu hồi đất theo Điều 61 Luật đất đai năm 2013 là 04 dự án/76,42 ha, diện tích thu hồi là 76,42 ha, gồm: Công trình căn cứ hậu cần - kỹ thuật và thao trường huấn luyện huyện Vĩnh Cửu (49 ha); Công trình quốc phòng (DA1) - Bộ CHQST (5,7 ha); Trường bắn BB tại xã Tân An (21,3 ha); Trụ sở công an xã Thiện Tân (0,42 ha).

- Các dự án cần thu hồi đất theo điểm a, khoản 2 Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 02 dự án/110,17 ha, trong đó, diện tích thu hồi là 98,93 ha, gồm: Khu

công nghiệp Thạnh Phú, Khu công nghiệp Sông Mỹ (thuộc địa bàn xã Tân An - huyện Vĩnh Cửu).

3.6.2. Các công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách Nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch

- Các dự án cần thu hồi đất thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 57 dự án/535,89 ha, trong đó, diện tích thu hồi là 434,74 ha, gồm:

+ Điểm a - Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương là 10 dự án với tổng diện tích 10,98 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 10,98 ha:

+ Điểm b - Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải là 30 dự án với tổng diện tích 307,01 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 221,14 ha.

+ Điểm c - Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 08 dự án với tổng diện tích 34,71 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 20,91 ha.

+ Điểm d - Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 9 dự án 183,19 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 181,71 ha.

IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

4.1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý tài nguyên đất như đầu tư cải tạo đất, nâng cao độ phì của đất; trồng cây để bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất; thực hiện các biện pháp để làm giảm tối đa tác hại xói mòn đất do mưa và dòng chảy gây ra trên đất;

- Xác định diện tích rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, giao trách nhiệm cho Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Đồng Nai thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích đã được giao; đẩy mạnh việc trồng cây xanh phân tán trong các khu dân cư,

dải cây xanh cách ly, cây xanh công viên và ven đường giao thông.

- Đối với các dự án có sử dụng đất rừng, đất chuyên trồng lúa nước trước khi triển khai thực hiện phải hoàn thành các thủ tục liên quan chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; đối với các dự án sử dụng đất chuyên trồng lúa phải thực hiện và hoàn thành phương án sử dụng lớp đất mặt, nộp tiền theo quy định của Luật Trồng trọt; Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác đối với dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

4.1.2. Giải pháp về bảo vệ bảo vệ môi trường

- Tăng cường giám sát bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản và khai thác vật liệu xây dựng; giám sát việc thực hiện Dự án ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường;

- Tuyên truyền sâu rộng đến cộng đồng về Luật bảo vệ môi trường để nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân, cộng đồng; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích sinh trưởng trong sản xuất nông nghiệp; khuyến khích nông dân sử dụng các phương pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, hạn chế sử dụng phân vô cơ, dùng phân hữu cơ vi sinh làm căn bản trong sản xuất nông nghiệp;

- Khuyến khích thu hút đầu tư các công trình xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện; thực hiện nhanh các dự án cải tạo, khơi thông dòng chảy của các suối, hệ thống thoát nước; xây dựng hệ thống các trạm bơm thu gom nước thải về nơi xử lý tập trung; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xử lý rác, chế biến phân bón vi sinh tại khu vực bãi thải, bãi xử lý chất. Tăng cường thu gom chất thải chuyển về nơi xử lý và tiêu hủy chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong huyện;

- Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý, tăng cường thanh tra, kiểm tra môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị, các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng cải thiện điều kiện làm việc và bảo vệ môi trường, tăng hàm lượng giá trị gia tăng trên sản phẩm sản xuất, sản xuất thành phẩm, sử dụng ít lao động nhằm giảm áp lực tăng dân số cơ học cho huyện;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những hành vi làm tổn hại đến môi trường: như khai thác cát trên sông Đồng Nai, chặt phá rừng, đặc biệt là các hành vi xả thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường của

các nhà máy, cơ sở sản xuất và các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.2. Giải pháp về nguồn lực

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn của huyện.

- củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp thị trấn, xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

4.3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện

Sau khi UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022, UBND huyện Vĩnh Cửu sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện như sau:

4.3.1.1. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các Phòng, Ban. UBND cấp xã có liên quan tổ chức triển khai kế hoạch sử dụng đất của huyện đạt chất lượng, hiệu quả;

- Tham mưu UBND huyện thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Quản lý đất đai chặt chẽ, đảm bảo việc sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

4.3.1.2. Phòng Tài chính- Kế hoạch

Phòng Tài chính - Kế hoạch cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trong năm 2022.

4.3.1.3. Các Ban, ngành của huyện, Ủy ban nhân dân thị trấn, xã

- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số lượng dự án công trình theo luật định.

- Triển khai thực hiện các dự án được giao làm chủ đầu tư, vận động người sử dụng đất thực hiện chuyển mục đích đảm bảo chỉ tiêu chuyển mục đích được duyệt.

4.3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện công bố, công khai kịp thời và đúng quy định, để cộng đồng thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất thống nhất, chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tình hình triển khai hiện các dự án, công trình theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt, nhằm tránh tình trạng dự án treo, hoặc đầu cơ chờ cơ hội chuyển nhượng dự án để trục lợi. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND tỉnh thu hồi diện tích đất đã giao hoặc đã cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê nhưng không hoặc chậm đưa đất đã được giao, được thuê vào sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả, sai mục đích;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên ngành đối với việc lập kế hoạch sử dụng đất sao cho phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và tình hình phát triển bền vững của địa phương, nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

4.4. Giải pháp khác

4.4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ

Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ

- Rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn phù hợp với cơ chế, chính sách chung của tỉnh; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng trong đô thị, đồng thời thu hút đầu tư phát triển hạ tầng và các dự án đô thị, để tiến tới mở rộng không gian đô thị toàn huyện; phát triển quỹ nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, xã hội hóa các dịch vụ về: văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ, khoa học và công nghệ;

- Có chính sách riêng trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư vào địa bàn huyện Vĩnh Cửu như: vốn trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, hình thức tín dụng, đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng, sử dụng quỹ đất để tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thông qua cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng quan hệ đối tác với các nhà đầu tư tiềm năng như các tập đoàn kinh tế trong nước và nước ngoài. Phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh xây dựng các đề án huy động các nguồn vốn đầu tư từ thị trường tài chính trong nước, quốc tế, nguồn vốn ODA, FDI, vốn tín dụng phát triển của Nhà nước cho xây dựng hạ tầng, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực;

- Xây dựng kế hoạch về vốn đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính, viễn thông; ưu tiên phát triển các lĩnh vực: văn hóa, y tế, giáo dục,...

4.4.3. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đã được UBND tỉnh ban hành, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật. Rà soát, tổng hợp và đề xuất với cơ quan cấp tỉnh về những bất cập trong cơ chế, chính sách áp dụng trên địa bàn huyện;

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các khu công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

V. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Vĩnh Cửu được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được tổng hợp cân đối mang tính kế thừa, khách quan từ việc lấy nhu cầu thực tế của các ban, ngành, các xã, thị trấn và được rà soát kỹ lưỡng các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính khả thi cao.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 xác định: tổng số dự án là 112 dự án/ 1.032,32 ha, trong đó có 97 dự án/ 986,19 ha được chuyển từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và bổ sung mới 15 dự án/46,13 ha.

Có 76 dự án/ 767,08 ha cần thu hồi đất, trong đó thu hồi theo khoản 3 Điều 62 luật đất đai năm 2013 là 57 dự án/535,89 ha.

Có 33 dự án/592,99 ha sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, trong đó: sử dụng đất trồng lúa trên 10 ha là 06 dự án/107.21 ha, đất rừng phòng hộ là 5,9 ha.

Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 để đảm bảo tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án trong năm kế hoạch cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực và lợi thế của huyện, đặc biệt là nguồn lực về vốn đầu tư và nhân lực, trong đó ưu tiên đầu tư, triển khai nhanh việc xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện kết hợp với những giải pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế./.